FDVN LAWFIRM

TRÌNH TỰ THỦ TỤC KHỞI KIỆN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH TẠI TỈNH NGHỆ AN (TỪ NGÀY 01/07/2025)

2025

MỤC LỤC

I. ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC KHỞI KIỆN TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH 4

1. Khái niệm tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh và các dạng tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh thường gặp 4

2. Xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh 8

2.1. Trọng tài thương mại 8

2.2. Xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết 10

3. Chuẩn bị hồ sơ khởi kiện và nộp hồ sơ khởi kiện 14

3.1. Chuẩn bị hồ sơ nộp trọng tài thương mại 14

3.2. Chuẩn bị hồ sơ nộp Tòa án có thẩm quyền 14

4. Lưu ý về giai đoạn hòa giải tại trung tâm đối thoại hòa giải 22

5. Lưu ý về thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh 24

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH 25

A. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THEO TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (THEO QUY TẮC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI MIỀN TRUNG - MCAC) 25

*** GIAI ĐOẠN THỤ LÝ VỤ TRANH CHẤP 25**

*** GIAI ĐOẠN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI 29**

*** GIAI ĐOẠN HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP 30**

***GIAI ĐOẠN TỔ CHỨC PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP 38**

B. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI TÒA ÁN 46

I. TRÌNH TỰ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT THEO THỦ TỤC SƠ THẨM 46

1. Thụ lý vụ án 46

2. Quyền yêu cầu bổ sung đơn kiện, rút một phần, toàn bộ đơn kiện 47

3. Quyền phản tố, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ phản tố 48

4. Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải 48

5. Các thủ tục tố tụng khác có khả năng phát sinh 50
6. Thời hạn chuẩn bị xét xử 54
7. Trình tự tổ chức phiên tòa sơ thẩm 54
II. TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT THEO THỦ TỤC XÉT XỬ PHÚC THẨM 63
1. Điều kiện phát sinh thủ tục xét xử phúc thẩm 63
2. Người có quyền kháng cáo và lưu ý về đơn kháng cáo, nộp đơn kháng cáo, tạm ứng án phí phúc thẩm 63
3. Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm 66
4. Những vấn đề phát sinh rút đơn kháng cáo, thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo 66
5. Trình tự tổ chức phiên tòa phúc thẩm 67
6. Bản án, quyết định phúc thẩm 70
III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM 70
IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT THEO THỦ TỤC TÁI THẨM 76
V. TRÌNH TỰ THỦ TỤC THỰC HIỆN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN 77
VI. THAM KHẢO BẢN ÁN THỰC TẾ 86
VII. MẪU ĐƠN KÈM THEO 87

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

TRÌNH TỰ THỦ TỤC KHỞI KIỆN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH TẠI TỈNH NGHỆ AN

I. ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC KHỞI KIỆN TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

1. Khái niệm tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh và các dạng tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh thường gặp

- Khái niệm hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp tác kinh doanh, góp vốn kinh doanh là hình thức được các nhà đầu tư lựa chọn nhằm hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng. Theo đó, các bên sẽ cùng góp vốn, cùng quản lý, kinh doanh, cùng phân chia lợi nhuận qua kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời cũng cùng chịu rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hợp tác. Trong kinh tế, hợp tác kinh doanh đã đạt được động lực và sự tập trung trong các doanh nghiệp hàng đầu toàn cầu, là "phương tiện để đạt được tăng trưởng doanh thu đáng kể".

Theo Bộ luật Dân sự 2015, Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.[1] Theo Luật Đầu tư 2020, *Hợp đồng hợp tác kinh doanh (sau đây gọi là hợp đồng BCC (Business Cooperation Contract)) là hợp đồng được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh, phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm theo quy định của pháp luật mà không thành lập tổ chức kinh tế".*[2]

Ngoài ra, Thông tư số 200/2014/TT-BTC[3] hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp cũng có đưa ra khái niệm *Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.*

Như vậy, hợp đồng hợp tác kinh doanh được hiểu là sự thoả thuận giữa các cá nhân, tổ chức cùng đóng góp tài sản, công sức nhằm hợp tác kinh doanh trong một lĩnh vực nào đó để phân chia lợi nhuận hoặc sản phẩm và cùng chịu trách nhiệm.

- Các dạng tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh thường gặp

[1] Khoản 1 Điều 504 Bộ luật Dân sự 2015;
[2] Khoản 14 Điều 3 Luật Đầu tư 2020, khái niệm về hợp đồng hợp tác đầu tư tại Luật Đầu tư 2020 và Luật Đầu tư 2014 là như nhau;
[3] Điều 44 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

** Tranh chấp về vấn đề chủ thể ký kết hợp đồng không đúng theo quy định pháp luật*

Theo quy định pháp luật, chủ thể của Hợp đồng hợp tác kinh doanh là nhà đầu tư[4], là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, gồm nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

- Nhà đầu tư trong nước là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức kinh tế không có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông.

Khi ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh, chủ thể của hợp đồng khá đa dạng. Về nguyên tắc, cá nhân có đăng ký kinh doanh hay chưa đăng ký kinh doanh đều có thể từ thành chủ thể trong quan hệ hợp tác, góp vốn kinh doanh. Đồng thời, chủ thể kinh doanh có thể là hai, hay nhiều cá nhân, tổ chức cùng nhau thực hiện việc hợp tác, góp vốn kinh doanh. Chủ thể thực hiện phải đảm bảo các quy định cơ bản như về năng lực hành vi dân

[4] Khoản 18, khoản 19, khoản 20 Điều 3 Luật Đầu tư 2020;

sự đối với cá nhân, tư cách chủ thể của pháp nhân và phải đáp ứng các điều kiện khác phù hợp với quy định pháp luật trong lĩnh vực hợp tác kinh doanh, đồng thời, đáp ứng điều kiện theo thoả thuận của các bên trong hợp đồng.

Lưu ý: Đối với tổ chức thì chủ thể ký kết phải là người đại diện theo pháp luật, trường hợp có uỷ quyền thì người đại diện theo uỷ quyền thực hiện ký kết. Tại hợp đồng uỷ quyền phải ghi rõ họ và tên người được uỷ quyền thực hiện ký kết, chức vụ, được uỷ quyền theo văn bản nào, ngày tháng năm nào. Khi xảy ra tranh chấp liên quan đến chủ thể, nếu một trong các bên không đáp ứng điều kiện về chủ thể thì cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền có thể giải quyết theo hướng tuyên hợp đồng vô hiệu, hợp đồng vô hiệu một phần và giải quyết các nội dung về nghĩa vụ trả lại cho nhau những gì đã nhận. Khi đó, các bên còn lại có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích.

Trường hợp chủ đầu tư không đảm bảo theo quy định của pháp luật, có thể dẫn đến hợp đồng góp vốn, hợp đồng hợp tác kinh doanh trái quy định, bị vô hiệu. Ví dụ như người mua nhà ký kết hợp đồng góp vốn, tham gia vào dự án phát triển nhà ở với tư cách là nhà đầu tư góp vốn. Theo pháp luật quy định các điều kiện để hợp đồng hợp tác được ký kết giữa các bên có hiệu lực thì Chủ đầu tư chỉ được ký kết hợp đồng hợp tác sau khi dự án phát triển nhà ở 1/500 được phê duyệt; đã khởi công xây dựng công trình nhà ở; đã thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng nơi có dự án biết trước ít nhất 15 ngày tính đến ngày ký hợp đồng huy động vốn. Nhưng khi ký hợp đồng với chủ đầu tư, người góp vốn do không hiểu biết các quy định của pháp luật nên vẫn tiến hành ký kết hợp đồng mặc dù không biết chủ đầu tư có đảm bảo được các điều kiện trên hay không. Do đó, trong trường hợp chủ đầu tư không đảm bảo được các điều kiện trên mà vẫn tiến hành ký kết hợp đồng góp vốn giữa các bên thì hợp đồng hợp tác kinh doanh bị vô hiệu, không có giá trị pháp lý và không được pháp luật công nhận. Lúc này, người góp vốn sẽ phải chịu nhiều bất lợi, nhà không được bàn giao mà số vốn đã góp cũng khó thu hồi dẫn đến tranh chấp xảy ra giữa các bên.

** Tranh chấp khi một trong các bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ tại hợp đồng.*

Khi thương thảo hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên sẽ thoả thuận về nghĩa vụ của các bên phải thực hiện, trong đó liên quan đến tài sản góp vốn, quy trình thực hiện góp vốn, nghĩa vụ kinh doanh,… Hành vi không tuân thủ các cam kết hoặc không thực hiện đúng theo những điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh là một trong những nguyên nhân thường xuyên và phổ biến dễ dàng dẫn đến tranh chấp. Sự vi phạm này là đa dạng với nhiều lý do, vấn đề khác nhau, xuất phát từ nhiều yếu tố kinh doanh đến những vấn đề cá nhân, quan điểm bất đồng trong quản lý và hợp tác. Nhiều trường hợp, một trong các bên không thực hiện đúng toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng, có vi phạm trong tiến độ góp vốn đã cam kết hay không thực hiện kinh doanh theo thoả thuận thì đều dễ dẫn đến

tranh chấp.

Tài sản góp vốn, lợi nhuận và tỷ lệ phân chia là những vấn đề được quan tâm hàng đầu trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Khi một bên hoặc cả hai bên có những động thái về việc không tuân thủ cam kết về nguồn vốn hợp tác, không thực hiện cam kết phân chia lợi nhuận thì khả năng mâu thuẫn, xung đột lợi ích và tranh chấp dễ xảy ra.

Khi có những vi phạm về việc không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bên vi phạm có thể phải chịu một khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại hoặc khoản lãi phát sinh do việc chậm thực hiện nghĩa vụ của mình. Vấn đề về phạt vi phạm, yêu cầu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ được thoả thuận tại Hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

** Tranh chấp về các vấn đề phát sinh khi phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận là mục tiêu của việc góp vốn kinh doanh. Do đó, khi một trong các bên không nhận được khoản lợi nhuận xứng đáng với khoản vốn góp mà bản thân đã bỏ ra thì việc xảy ra tranh chấp rất dễ phát sinh. Vấn đề sẽ càng phức tạp hơn nếu hợp đồng hợp tác kinh doanh mà các bên đã ký kết trước đó không quy định cụ thể về tỷ lệ phần chia lợi nhuận, cách phân chia lợi nhuận, việc xoay vốn đầu tư, kinh doanh,… Khi đó, việc phân chia lợi nhuận có thể sẽ không được như ý muốn ban đầu.

** Tranh chấp khi một trong các bên muốn rút vốn đã góp, đơn phương chấm dứt hợp đồng*

Trong kinh doanh, khả năng phát sinh lợi nhuận hay thua lỗ đều có thể xảy ra bởi nhiều yếu tố tác động khác nhau. Đặt trong trường hợp nếu việc kinh doanh dễ phát sinh thua lỗ, một bên góp vốn nhận thấy được thoả thuận góp vốn này không còn khả thi và có mong muốn rút vốn, đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh. Khi đó, đối với các bên đang kinh doanh, đang xoay xở tình trạng không tốt đẹp này sẽ phải chịu ảnh hưởng rất lớn. Việc rút vốn đột ngột sẽ dễ phát sinh những thiệt hại trong quá trình kinh doanh. Đồng thời, khi một bên rút vốn, nếu không giải quyết rõ ràng thì rất dễ xảy ra tranh chấp.

** Tranh chấp từ vấn đề lừa đảo thông qua hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh*

Hiện nay, nhiều đối tượng lợi dụng hình thức hợp đồng hợp tác đầu tư để huy động vốn trái phép các bất động sản không đủ điều kiện, dự án ma không có thật. Theo đó, chiếm đoạt một lượng lớn số tiền góp vốn.

Để hiểu hơn về các tranh chấp hợp đồng Hợp tác kinh doanh, Quý độc giả có thể tham khảo Ấn phẩm Nhận diện tranh chấp hợp đồng và những vấn đề quan trọng khi rà soát, soạn thảo Hợp đồng hợp tác kinh doanh tại website: https://fdvn.vn/ của Công ty Luật FDVN theo link bài ấn phẩm cụ thể: https://fdvn.vn/an-pham-phan-tich-va-tong-hop-nhan-dien-tranh-chap-hop-dong-va-nhung-van-de-quan-trong-khi-ra-soat-soan-thao-hop-dong-hop-tac-kinh-doanh/

2. Xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh

2.1. Trọng tài thương mại

- Điều kiện áp dụng

Theo quy định tại Điều 5 Luật Trọng tài thương mại 2010, giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài cần đáp ứng những điều kiện sau đây:

"1. Tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thoả thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp.

2. Trường hợp một bên tham gia thoả thuận trọng tài là cá nhân chết hoặc mất năng lực hành vi, thoả thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với người thừa kế hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

3. Trường hợp một bên tham gia thỏa thuận trọng tài là tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với tổ chức tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác."

Theo đó, điều kiện để giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài là phải có thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có thể là điều khoản về giải quyết tranh chấp đã được ghi trong hợp đồng hoặc thỏa thuận riêng, có thể là một Phụ lục đính kèm tại thời điểm ký Hợp đồng hoặc được các bên ký kết sau khi phát sinh tranh chấp với hình thức theo quy định tại Điều 16 Luật Trọng tài thương mại 2010.

Như vậy, khi tranh chấp đã xảy ra và các bên muốn đưa ra giải quyết thông qua phương thức trọng tài thương mại thì lúc này các bên có thể lập thỏa thuận trọng tài với hình thức luật định và đáp ứng đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của một thỏa thuận trọng tài.

- Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài

- Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.
- Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại.
- Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài.

- Ưu nhược điểm của trọng tài thương mại

** Các ưu điểm khi giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài:*

- Thủ tục giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại tiện lợi, nhanh chóng và mềm dẻo về mặt tố tụng. Các bên tham gia tố tụng có thể chủ động về thời gian, địa điểm

giải quyết tranh chấp, không trải qua nhiều cấp xét xử như ở toà án, giúp tiết kiệm về thời gian và tiền bạc cho các bên tranh chấp.

- Phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành nên không bị kháng cáo, kháng nghị dẫn đến tranh chấp kéo dài.

- Phán quyết trọng tài được Nhà nước đảm bảo thực thi theo pháp luật Thi hành án dân sự. Theo đó Nhà nước khuyến khích các bên tự nguyện thi hành, tuy nhiên nếu hết thời hạn thi hành mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thì bên được thi hành án có thể yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế thi hành theo quy định.

- Nguyên tắc trọng tài xét xử kín, không công khai giúp các bên đảm bảo được uy tín trên thương trường, đảm bảo bí mật kinh doanh và thông tin mật của Doanh nghiệp sẽ được đảm bảo không bị tiết lộ ra ngoài.

- Các bên có thể lựa chọn trọng tài viên để thành lập Hội đồng trọng tài giải quyết vụ việc từ đó có thể chọn được trọng tài viên giỏi, kinh nghiệm thực tế và am hiểu vấn đề đang tranh chấp.

- Hội đồng Trọng tài khi giải quyết tranh chấp thường dựa trên ý chí của các bên do đó phù hợp để giải quyết các tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

** Nhược điểm khi giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài:*

Tuy có nhiều ưu điểm nêu trên, nhưng Trọng tài thương mại cũng có những nhược điểm nhất định so với các loại hình giải quyết tranh chấp khác, cụ thể:

- Chi phí trọng tài thường cao hơn các loại hình giải quyết tranh chấp khác.

- Hai bên nhất thiết phải có thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và có thể thực hiện được thì khi xảy ra tranh chấp, trọng tài mới có thẩm quyền giải quyết.

** Điều khoản mẫu thỏa thuận trọng tài*

FDVN khuyến nghị các bên trong hợp đồng sử dụng thỏa thuận trọng tài theo mẫu sau đây:

"Điều ....: Giải quyết tranh chấp

1. *Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tố tụng trọng tài của Trung tâm này.*
2. *Số lượng Trọng tài viên là… (một hoặc ba).*
3. *Địa điểm giải quyết tranh chấp là… (thành phố và/hoặc quốc gia).*

4. *Ngôn ngữ trọng tài là… (chỉ áp dụng trong trường hợp tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc tranh chấp có ít nhất một bên là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; chỉ nêu một ngôn ngữ).*
5. *Luật áp dụng cho hợp đồng này là… (chỉ áp dụng đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài và trong trường hợp các bên không thỏa thuận về luật áp dụng trong một điều khoản khác).”*

2.2. Xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết

a, Đối với xét xử sơ thẩm

* *Xác định thẩm quyền Tòa án theo vụ việc:*

Trường hợp 1: Tranh chấp hợp đồng Hợp tác kinh doanh là tranh chấp dân sự khi một trong các bên tham gia hợp đồng không thực hiện đăng ký kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền thì được xem là tranh chấp dân sự về *“Hợp đồng hợp tác kinh doanh”* thuộc thẩm quyền của Tòa án theo Khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*“Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự”.*

Trường hợp 2: Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh là tranh chấp kinh doanh, thương mại khi các bên tham gia quan hệ hợp đồng là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Khoản 1, Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”.*

**Xác định thẩm quyền Tòa án theo cấp xét xử:*

Căn cứ Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án quy định: *“Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp quy định tại các điều 26, 28, 30 và 32 của Bộ luật này;”*

Do đó, Toà án nhân dân Khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Tòa án khu vực tại tỉnh Nghệ An bao gồm:

STT	Tỉnh/huyện	Tên Tòa án sau khi sáp nhập (từ 01/7/2025)	Địa chỉ	Số điện thoại
1	Vinh	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An	Số 72 Nguyễn Thị Minh Khai, khối Liên Cơ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	0238.3842303

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelуat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

2	Nghi Lộc, Hưng Nguyên	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An	Nguyễn Xi, thôn Quán Hành, xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	0238.3861182
3	Diễn Châu	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An	Khối 3, xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	0238.3862495
4	Hoàng Mai, Quỳnh Lưu	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An	Nguyễn Thị Minh Khai, phường Tân Mai, tỉnh Nghệ An	0238.3504801
5	Nam Đàn, Thanh Chương	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Nghệ An	Phan Bội Châu, xã Vạn An, tỉnh Nghệ An	0238.3822306 hoặc 0238.3823162
6	Yên Thành	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An	Xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An	0238.3863146
7	Tân Kỳ, Đô Lương	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Nghệ An	Số 1 Lê Hồng Phong, xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An	0238.3871255 hoặc 0238.3882132
8	Nghĩa Đàn, Thái Hòa	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An	Số 68 Làng Vạc, phường Thái Hòa, tỉnh Nghệ An	0238.3881356 hoặc 0238.3811395
9	Anh Sơn, Con uông	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Nghệ An	Tổ dân phố số 2, xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	0238.3872256
10	Quế Phong, Quỳ Châu, Quỳ Hợp	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An	Khối 2, xã Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An	0238.3884117
11	Tương Dương	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An	Số 321 Khối Hòa Tây, xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An	0238.3874929
12	Kỳ Sơn	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Nghệ An	Khối 1, xã Mường Xén, tỉnh Nghệ An	0238.9875152

** Xác định thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ*

Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về dân sự, kinh doanh, thương mại. Đồng thời, các đương sự cũng có quyền tự thỏa

thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức.

** Xác định thẩm quyền của Tòa án theo lựa chọn của nguyên đơn*

Điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu cụ thể: *"g) Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết;"*

+ Nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết;

+ Nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở Việt Nam thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết;

+ Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án tại nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh để yêu cầu giải quyết.

+ Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết;

+ Nếu tranh chấp bất động sản mà bất động sản có ở nhiều địa phương khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có một trong các bất động sản giải quyết.

Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên đối với tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc tranh chấp giữa các bên là Tòa án nhân dân khu vực nơi trụ sở của bị đơn (bị đơn là tổ chức), nơi cư trú, làm việc của bị đơn (bị đơn là cá nhân) hoặc Tòa án nhân dân cấp khu vực nơi Hợp đồng được thực hiện có thẩm quyền giải quyết.

b, Đối với xét xử phúc thẩm

Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Tổ chức Toà án Nhân dân 2024 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Toà án cấp phúc thẩm như sau:

"1. Tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền xem xét, đánh giá, nhận định về kháng cáo, kháng nghị; các tình tiết của vụ án, vụ việc; căn cứ áp dụng pháp luật và việc xét xử, giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; giữ nguyên, hủy, sửa bản án, quyết định sơ thẩm; bảo vệ bản án, quyết định đã xét xử, giải quyết đúng pháp luật; khắc phục những sai sót và thực hiện thẩm quyền khác theo quy định của luật."

Căn cứ theo khoản 2 Điều 55 Luật tổ chức Tòa án năm 2024 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định nhiệm vụ quyền hạn của Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau: Phúc thẩm vụ án, vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của luật.

Thẩm quyền của **Tòa chuyên trách Tòa án nhân dân cấp tỉnh**[5]**:**

+ Tòa Dân sự Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định dân sự chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân khu vực bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật;

+ Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định kinh doanh, thương mại; bản án, quyết định dân sự về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân khu vực bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

Tòa Kinh tế thuộc một số Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc.

Thẩm quyền của **Tòa án nhân dân cấp tỉnh**[6]**:** Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân khu vực bị kháng cáo, kháng nghị; giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân khu vực nhưng bị kháng nghị theo quy định pháp luật;

Tên Tòa án	Địa chỉ	Số điện thoại
Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An	Phạm Đình Toái, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	038. 3844173

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa Phúc thẩm **Tòa án nhân dân tối cao**[7]: Phúc thẩm vụ án hình sự mà bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, xét xử sơ thẩm tuy nhiên đương sự không đồng ý với toàn bộ bản án hoặc một phần bản án đã tuyên thì sẽ nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội để xem xét lại bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tên Tòa án	Địa chỉ	Số điện thoại
Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội	48 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	02462.741.133

[5] Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bởi Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án 2025

[6] Điều 37 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án 2025

[7] Mục 1 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 được bổ sung bởi Khoản 6 Điều 1 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân sửa đổi 2025

3. Chuẩn bị hồ sơ khởi kiện và nộp hồ sơ khởi kiện

3.1. Chuẩn bị hồ sơ nộp trọng tài thương mại

Một bên muốn khởi kiện ra Trọng tài phải gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài.

Khi khởi kiện ra Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung, Đơn khởi kiện bao gồm các nội dung sau: *(Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 01 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)*

a) Ngày, tháng, năm làm Đơn khởi kiện;

b) Tên, địa chỉ của các bên;

c) Tóm tắt nội dung của vụ tranh chấp;

d) Cơ sở khởi kiện;

e) Trị giá của vụ tranh chấp và các yêu cầu khởi kiện khác của Nguyên đơn;

f) Tên của người được Nguyên đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên;

g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là cá nhân.

Kèm theo Đơn khởi kiện phải có Thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác (bản chính hoặc bản sao) có liên quan. Đơn khởi kiện, Thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan phải được gửi đủ số bản theo quy định cụ thể: 5 bộ hồ sơ (Đối với trường hợp Hội đồng Trọng tài có 3 Trọng tài viên), hoặc 3 bộ hồ sơ (Đối với trường hợp Hội đồng Trọng tài có 1 Trọng tài viên).

3.2. Chuẩn bị hồ sơ nộp Tòa án có thẩm quyền

**** Hình thức, nội dung đơn khởi kiện***

Theo quy định tại 189 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định như sau:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện phải làm đơn khởi kiện.

- Việc làm đơn khởi kiện của cá nhân được thực hiện như sau:

a) Cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ nơi cư trú của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, cá nhân đó phải ký tên hoặc điểm chỉ;

b) Cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp của họ có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ nơi cư trú của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người đại diện hợp pháp của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, người đại diện hợp pháp đó phải ký tên hoặc điểm chỉ;

c) Cá nhân thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b nêu trên là người không biết chữ, người khuyết tật nhìn, người không thể tự mình làm đơn khởi kiện, người không thể tự mình ký tên hoặc điểm chỉ thì có thể nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện và phải

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsunghеanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

có người có đủ năng lực tố tụng dân sự làm chứng. Người làm chứng phải ký xác nhận vào đơn khởi kiện.

- Cơ quan, tổ chức là người khởi kiện thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ của người khởi kiện phải ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức và họ, tên, chức vụ của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó; ở phần cuối đơn, người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức phải ký tên và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó; trường hợp tổ chức khởi kiện là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Đơn khởi kiện phải có các nội dung chính sau đây:

+ Ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện;

+ Tên Tòa án nhận đơn khởi kiện;

+ Tên, nơi cư trú, làm việc của người khởi kiện là cá nhân hoặc trụ sở của người khởi kiện là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có).

Trường hợp các bên thỏa thuận địa chỉ để Tòa án liên hệ thì ghi rõ địa chỉ đó;

+ Tên, nơi cư trú, làm việc của người có quyền và lợi ích được bảo vệ là cá nhân hoặc trụ sở của người có quyền và lợi ích được bảo vệ là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có);

+ Tên, nơi cư trú, làm việc của người bị kiện là cá nhân hoặc trụ sở của người bị kiện là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có). Trường hợp không rõ nơi cư trú, làm việc hoặc trụ sở của người bị kiện thì ghi rõ địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng của người bị kiện;

+ Tên, nơi cư trú, làm việc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân hoặc trụ sở của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có).

Trường hợp không rõ nơi cư trú, làm việc hoặc trụ sở của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ghi rõ địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

+ Quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm; những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết đối với người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

+ Họ, tên, địa chỉ của người làm chứng (nếu có);

+ Danh mục tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện.

Lưu ý:

- Đối với việc ký đơn khởi kiện: Cá nhân, tổ chức phải tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp ký trực tiếp lên đơn khởi kiện. Đối với người khởi kiện là tổ chức có con dấu thì phải thực hiện đóng dấu của tổ chức đó tại đơn khởi kiện, cụ thể:

a) Đối với cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự, thì cá nhân đó phải ký và điểm chỉ vào đơn khởi kiện.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

b) Đối với cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp của cá nhân đó ký và điểm chỉ vào đơn khởi kiện. Theo quy định tại Điều 136 BLDS năm 2015 có quy định người đại diện theo pháp luật của cá nhân bao gồm:

- Cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Người giám hộ đối với người được giám hộ. Người giám hộ người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người đại diện theo pháp luật nếu được Tòa án chỉ định.
- Người do Tòa án chỉ định trong trường hợp không xác định được người đại diện theo mục a, b nêu trên;
- Người do Tòa án chỉ định đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Đối với cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự hoặc Cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người không biết chữ, người khuyết tật nhìn, người không thể tự mình làm đơn khởi kiện, người không thể tự mình ký tên hoặc điểm chỉ thì người làm chứng ký xác nhận vào đơn khởi kiện.

d) Đối với doanh nghiệp thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký tên, đóng dấu của doanh nghiệp vào đơn khởi kiện. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 12 Luật doanh nghiệp 2020 quy định: Người đại theo pháp luật của doanh nghiệp được quyền đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Theo đó, tùy vào từng loại hình doanh nghiệp thì người thì người có thẩm quyền ký kết vào đơn khởi kiện cũng có sự khác nhau:

- Doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp tư nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân, thì thực hiện khởi kiện thì chủ doanh nghiệp tư nhân ký tên, đóng dấu vào đơn khởi kiện.
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên thì người đại diện theo pháp luật có thể là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật. Theo đó, nếu như trong điều lệ công ty không quy định thì là Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật hoặc trong điều lệ công ty quy định Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH hai thành viên trở lên, thì khi thực hiện khởi kiện thì những người này được quyền ký tên, đóng dấu vào đơn khởi kiện.
- Công ty TNHH một thành viên: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty. Theo đó, nếu

như Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc trong điều lệ công ty có quy định Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty, thì khi thực hiện việc khởi kiện thì những người này được quyền ký tên, đóng đấu vào đơn khởi kiện.

- Công ty cổ phần: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp Điều lệ chưa có quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp công ty có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty, thì khi thực hiện việc khởi kiện thì những người này được quyền ký tên, đóng đấu vào đơn khởi kiện.
- Đối với công ty hợp danh thì thành viên hợp danh sẽ là người đại diện theo pháp luật công ty, thì khi thực hiện việc khởi kiện thì thành viên hợp danh được quyền ký tên, đóng đấu vào đơn khởi kiện.

- Kèm theo đơn khởi kiện phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm. Trường hợp vì lý do khách quan mà người khởi kiện không thể nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thì người khởi kiện phải nộp tài liệu, chứng cứ hiện có để chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm. Người khởi kiện bổ sung hoặc giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ khác theo yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Một số tài liệu thường nộp khi khởi kiện tranh chấp về hợp đồng hợp tác kinh doanh gồm:

+ Căn cước Công dân đối với trường hợp là cá nhân/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp là doanh nghiệp *(Bản sao y chứng thực);*

+ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh giữa các bên *(Bản sao y chứng thực);*

+ Thông tin liên quan đến việc góp vốn *(Bản sao y chứng thực);*

+ Các tài liệu liên quan khác trong quá trình thực hiện hợp đồng *(Bản sao y chứng thực, nếu có);*

+ Các tài liệu thể hiện nội dung tranh chấp, căn cứ yêu cầu khởi kiện;...

(Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 02 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)

**** Gửi đơn kiện đến Tòa án***

Theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định như sau: Người khởi kiện gửi đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ mà mình hiện có đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án bằng các phương thức sau đây: i) Nộp trực tiếp tại Tòa án; ii) Gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính; iii) Gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

Lưu ý: Khi sử dụng phương thức nộp đơn khởi kiện này bằng đường bưu điện, thì người khởi kiện cần lưu ý là ghi rõ nội dung Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo vào phần nội dung của bưu thư gửi đi, đồng thời sử dụng dịch vụ báo phát (nghĩa là phía dịch vụ bưu chính sẽ gửi lại vận đơn có chữ của người nhận bưu thư của người khởi kiện) để có căn cứ xác định là phía Tòa án nhân dân đã nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

+ Gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

- Ngày khởi kiện là ngày đương sự nộp đơn khởi kiện tại Tòa án hoặc ngày được ghi trên dấu của tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi.

Trường hợp không xác định được ngày, tháng, năm theo dấu bưu chính nơi gửi thì ngày khởi kiện là ngày đương sự gửi đơn tại tổ chức dịch vụ bưu chính. Đương sự phải chứng minh ngày mình gửi đơn tại tổ chức dịch vụ bưu chính; trường hợp đương sự không chứng minh được thì ngày khởi kiện là ngày Tòa án nhận được đơn khởi kiện do tổ chức dịch vụ bưu chính chuyển đến.

- Trường hợp người khởi kiện gửi đơn khởi kiện bằng phương thức gửi trực tuyến thì ngày khởi kiện là ngày gửi đơn.

- Trường hợp chuyển vụ án cho Tòa án khác theo quy định tại Điều 41 của BLTTDS năm 2015 thì ngày khởi kiện là ngày gửi đơn khởi kiện đến Tòa án đã thụ lý nhưng không đúng thẩm quyền và được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 41 BLTTDS năm 2015.

****Thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện***

Khi người khởi kiện gửi đơn khởi kiên đến Tòa án thì thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện sẽ được thực hiện theo Điều 191 BLTTDS năm 2015 như sau:

- Tòa án qua bộ phận tiếp nhận đơn phải nhận đơn khởi kiện do người khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án nhân hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính và phải ghi vào sổ nhận đơn; trường hợp Tòa án nhận đơn khởi kiện được gửi bằng phương thức gửi trực tuyến thì Tòa án in ra bản giấy và phải ghi vào sổ nhận đơn.

Các giấy tờ được Tòa án gửi cho người khởi kiện khi nộp đơn khởi kiện như sau:

+ Trường hợp nộp đơn trực tiếp tại Tòa án Khi nhận đơn khởi kiện nộp trực tiếp, Tòa án có trách nhiệm cấp ngay giấy xác nhận đã nhận đơn cho người khởi kiện.

+ Trường nộp đơn qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tòa án nhân phải gửi thông báo nhận đơn cho người khởi kiện.

+ Trường hợp nhận đơn khởi kiện bằng phương thức gửi trực tuyến thì Tòa án phải thông báo ngay việc nhận đơn cho người khởi kiện qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Tòa án. phân công một Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét đơn khởi kiện và có một trong các quyết định sau đây:

i) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện;

ii) Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường hoặc theo thủ tục rút gọn nếu vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn;

iii) Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và thông báo cho người khởi kiện nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác;

iv) Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu vụ việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trả lại đơn khởi kiện, hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện

Theo quy định tại Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện trong các trường hợp sau đây:

- *Thứ nhất*, Người khởi kiện không có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 và Điều 187 của Bộ luật này hoặc không có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự;

- *Thứ hai*, trường hợp chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Chưa có đủ điều kiện khởi kiện là trường hợp pháp luật có quy định về các điều kiện khởi kiện nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Tòa án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó;

- *Thứ ba*, sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp vụ án mà Tòa án bác đơn yêu cầu ly hôn, yêu cầu thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, mức bồi thường thiệt hại, yêu cầu thay đổi người quản lý tài sản, thay đổi người quản lý di sản, thay đổi người giám hộ hoặc vụ án đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà, đòi quyền sử dụng đất cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ mà Tòa án chưa chấp nhận yêu cầu và theo quy định của pháp luật được quyền khởi kiện lại;

- *Thứ tư*, hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 195 của Bộ luật này mà người khởi kiện không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, trừ trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc có trở ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng;

- *Thứ năm*, vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

- *Thứ sáu,* Người khởi kiện không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Thẩm phán quy định tại khoản 2 Điều 193 của BLTTDS năm 2015.

Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsunghеanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện không ghi đầy đủ, cụ thể hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà không sửa chữa, bổ sung theo yêu cầu của Thẩm phán thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện;

- *Thứ bảy*, người khởi kiện rút đơn khởi kiên.

Khi trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện, Thẩm phán phải có văn bản nêu rõ lý do trả lại đơn khởi kiện, đồng thời gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ mà Thẩm phán trả lại cho người khởi kiện phải được sao chụp và lưu tại Tòa án để làm cơ sở giải quyết khiếu nại, kiến nghị khi có yêu cầu

**** Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện***

Trường hợp đơn khởi kiện không có đủ các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 189 của BLTTDS 2015 thì Thẩm phán thông báo bằng văn bản nêu rõ những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho người khởi kiện để họ sửa đổi, bổ sung trong thời hạn do Thẩm phán ấn định nhưng không quá 01 tháng; trường hợp đặc biệt, Thẩm phán có thể gia hạn nhưng không quá 15 ngày. Văn bản thông báo có thể được giao trực tiếp, gửi trực tuyến hoặc gửi cho người khởi kiện qua dịch vụ bưu chính và phải ghi chú vào sổ nhận đơn để theo dõi. Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện không tính vào thời hiệu khởi kiện.

Trường hợp người khởi kiện đã sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật này thì Thẩm phán tiếp tục việc thụ lý vụ án; nếu họ không sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện.

**** Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí:***

Người nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự phải nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự đó, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí.

- Sau khi nhận đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Thẩm phán phải thông báo ngay cho người khởi kiện biết để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Thẩm phán dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi vào giấy báo và giao cho người khởi kiện để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Sau khi nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, thì người khởi kiện cầm theo Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án đến cơ quan thi hành án để nộp tiền tạm ứng án phí tương ứng với số tiền ghi trên thông báo này và sau đó mang biên lai thu tiền tạm ứng phí nộp lại cho Tòa án nhân dân phát thông báo.

Căn cứ theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí đối vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại, dân sự thì phân chia thành hai loại như sau:

- Đối với tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh không có giá ngạch (nghĩa là vụ án mà trong đó yêu cầu của đương sự không phải là một số tiền hoặc không thể xác định được giá trị bằng một số tiền cụ thể) thì mức án phí là **3.000.000 đồng**.

Mà theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: *"Mức tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự không có giá ngạch bằng mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch"*.

Như vậy khi người khởi kiện một vụ án tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh không có giá ngạch thì người khởi kiện phải nộp tạm ứng án phí là **3.000.000 đồng**.

- Đối với tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh có giá ngạch (nghĩa là vụ án mà trong đó yêu cầu của đương sự là một số tiền hoặc là tài sản có thể xác định được bằng một số tiền cụ thể):

BẢNG TÍNH ÁN PHÍ DÂN SỰ		
	Đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch	
1	Từ 6.000.000 đồng trở xuống	300.000 đồng
2	Từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng	5% giá trị tài sản có tranh chấp
3	Từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng	20.000. 000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng
4	Từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng	36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng
5	Từ trên 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng	72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng
6	Từ trên 4.000.000.000 đồng	112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng
	Đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch	
1	Từ 60.000.000 đồng trở xuống	3.000.000 đồng
2	Từ trên 60.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng	5% của giá trị tranh chấp

3	Từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng	20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng
4	Từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng	36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng
5	Từ trên 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng	72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng
6	Từ trên 4.000.000.000 đồng	112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng

Theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: *"Mức tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự có giá ngạch* ***bằng 50% mức án phí dân sự*** *sơ thẩm có giá ngạch mà Tòa án dự tính theo giá trị tài sản có tranh chấp do đương sự yêu cầu giải quyết nhưng tối thiểu không thấp hơn mức án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự không có giá ngạch"*

4. Lưu ý về giai đoạn hòa giải tại trung tâm đối thoại hòa giải

Căn cứ Điều 22 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 quy định như sau:

- Hòa giải, đối thoại có thể được tiến hành trong một hoặc nhiều phiên
- Việc hòa giải, đối thoại được tiến hành tại trụ sở Tòa án hoặc có thể ngoài trụ sở Tòa án theo lựa chọn của các bên
- Phiên hòa giải, đối thoại có thể dược thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác theo đề nghị của các bên.
- Hòa giải viên có thể tiến hành hòa giải, đối thoại có mặt các bên hoặc gặp riêng từng bên; yêu cầu mỗi bên trình bày ý kiến của mình về các vấn đề của vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính; đề xuất phương án, giải pháp hòa giải, đối thoại. Trường hợp một trong các bên có người đại diện, người phiên dịch thì Hòa giải viên phải mời họ cùng tham gia hòa giải, đối thoại.

Trình tự, thủ tục thực hiện việc hòa giải tại Tòa án được chia làm 4 giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Tiến hành phiên hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Căn cứ theo Điều 24 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 quy định như sau:

Khi các bên đồng ý gặp nhau để thống nhất phương án giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính, Hòa giải viên ấn định thời gian, địa điểm tiến hành phiên hòa giải, đối thoại và thông báo cho các bên, người đại diện, người phiên dịch chậm nhất là 05 ngày

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelуat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

trước ngày mở phiên hòa giải, đối thoại. Việc thông báo có thể được thực hiện bằng văn bản hoặc hình, thức khác thuận tiện cho các bên.

Giai đoạn 2: Tiến hành phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Căn cứ Điều 27 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 quy định:

- Khi các bên đạt được sự thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ hoặc một phần vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính, Hòa giải viên ấn định thời gian, địa điểm mở phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại.

Phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại có thể được tổ chức ngay sau phiên hòa giải, đối thoại hoặc vào thời gian phù hợp khác.

Hòa giải viên phải thông báo cho những người quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.

- Hòa giải viên tiến hành phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại trụ sở Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

Giai đoạn 3: Ra biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo nội dung quy định tại Điều 31 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020.

Giai đoạn 4: Ra quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án. Theo quy định tại Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020.

- Sau khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, biên bản ghi nhận kết quả đối thoại, Hòa giải viên chuyển biên bản cùng tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính để ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong trường hợp các bên có yêu cầu.

- Thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành là 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu kèm theo.

- Hết thời hạn quy định, Thẩm phán phải ra một trong các quyết định sau đây:

+ Trường hợp có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành;

+ Trường hợp không có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật này thì Thẩm phán ra quyết định không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành và nêu rõ lý do. Thẩm phán chuyển quyết định, biên bản và tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng.

- Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành được gửi cho các bên và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Lưu ý: Trường hợp nhận thấy vụ việc không thể hoà giải đối thoại tại trung tâm đối thoại hòa giải người khởi kiện có thể có đơn gửi Toà án có thẩm quyền đề nghị không chuyển vụ án qua trung tâm đối thoại hòa giải.

5. Lưu ý về thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh

*** Điều kiện áp dụng**

Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.[8]

Khi hết thời hiệu khởi kiện, chủ thể vẫn có quyền gửi đơn khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền, yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đối với vụ việc hết thời hiệu khởi kiện nhưng người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu từ chối áp dụng thời hiệu, không ai có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện thì Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

***Thời điểm yêu cầu áp dụng thời hiệu**

Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết[9];

***Thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh:**

Thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 150 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp 1: Trường hợp tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự, căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng như sau: *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm."*

Trường hợp 2: Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh được xác định là tranh chấp thương mại thì thời hiệu khởi kiện là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại năm 2005.

***Hậu quả pháp lý khi áp dụng thời hiệu:**

Chỉ khi hết thời hiệu khởi kiện và có đương sự yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án thì Tòa án mới căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 để quyết định đình chỉ

[8] *Khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*
[9] *Điểm e, Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

giải vụ án. Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó. Như vậy, Tòa án không được tự ý viện dẫn lý do đã hết thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

A. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THEO TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (THEO QUY TẮC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI MIỀN TRUNG - MCAC)

*** GIAI ĐOẠN THỤ LÝ VỤ TRANH CHẤP**

Gia đoạn 1: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện

Nguyên đơn nộp hồ sơ khởi kiện, bao gồm Đơn khởi kiện, thoả thuận trọng tài và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

MCAC căn cứ vào yêu cầu khởi kiện sẽ thông báo cho nguyên đơn nộp phí Trọng tài theo thời hạn quy định không quá 05 ngày.

Trường hợp Nguyên đơn không nộp đủ phí trọng tài theo thời hạn quy định: Được coi là Nguyên đơn rút Đơn kiện. Chủ tịch MCAC trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.

Trường hợp Nguyên đơn nộp phí trọng tài theo thời hạn quy định: MCAC thụ lý vụ tranh chấp và sẽ gửi đến Nguyên đơn, Bị đơn thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.

Cơ sở tính phí trọng tài

1. Trường hợp Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại nêu trị giá vụ tranh chấp:

- Trường hợp vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trị giá vụ tranh chấp	Phí trọng tài (đã bao gồm VAT)
Từ 100.000.000 đồng trở xuống	15.000.000
Từ trên 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng	15.000.000 + 4,8% số tiền vượt quá 100.000.000

Từ trên 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng	65.000.000 + 2,6% số tiền vượt quá 1.000.000.000
Từ trên 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng	179.000.000 + 1,7% số tiền vượt quá 5.000.000.000
Từ trên 10.000.000.000 đồng đến 50.000.000.000 đồng	274.000.000 + 1,3% số tiền vượt quá 10.000.000.000
Từ trên 50.000.000.000 đồng đến 100.000.000.000 đồng	845.000.000 + 0,8% số tiền vượt quá 50.000.000.000
Từ trên 100.000.000.000 đồng đến 500.000.000.000 đồng	1.319.000.000 + 0,26% số tiền vượt quá 100.000.000.000
Từ trên 500.000.000.000 đồng trở lên	2.459.000.000 + 0,09% số tiền vượt quá 500.000.000.000

- Trường hợp vụ tranh chấp được giải quyết bởi Trọng tài viên duy nhất, mức phí trọng tài bằng 70% của phí trọng tài đối vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng trọng tài có 03 trọng tài viên với cùng trị giá vụ tranh chấp.
- Giá trị vụ tranh chấp bằng ngoại tệ sẽ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá chuyển đổi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại thời điểm nộp Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại.

2. Trường hợp Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại không nêu trị giá vụ tranh chấp thì Chủ tịch Trung Tâm quyết định số phí trọng tài căn cứ vào tính chất của vụ tranh chấp, thời gian giải quyết vụ tranh chấp và số lượng Trọng tài viên.

3. Trường hợp Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại vừa có yêu cầu nêu trị giá vừa có yêu cầu khác không nêu trị giá thì phí trọng tài đối với các yêu cầu nêu trị giá được tính theo Mục 1 nêu trên, phí trọng tài đối với yêu cầu không nêu trị giá được tính theo Mục 2 nêu trên.

4. Phí trọng tài nêu tại Mục 1, 2 và 3 trên đây không bao gồm chi phí đi lại, ở và các chi phí có liên quan khác của các Trọng tài viên và thư ký phiên họp giải quyết vụ tranh chấp; chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí tham vấn ý kiến chuyên gia và chi phí cho các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài.

5. Các quy định tại Mục 1, 2, 3 và 4 nêu trên cũng áp dụng đối với việc sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện có điều chỉnh tăng về trị giá của vụ tranh chấp; việc sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại có điều chỉnh tăng về trị giá của vụ kiện lại. Trường hợp có điều chỉnh giảm về trị giá của vụ tranh chấp hoặc điều chỉnh giảm trị giá của vụ kiện lại thì phí trọng tài không điều chỉnh giảm.

Hoàn trả phí trọng tài

Phí trọng tài được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

1. Trường hợp rút Đơn khởi kiện; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện; rút Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại:

- Nếu Đơn khởi kiện; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện; Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại được rút trước khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, Trung tâm hoàn trả 70% phí trọng tài.
- Nếu Đơn khởi kiện; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện; Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại được rút sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, Trung tâm hoàn trả 40% phí trọng tài.
- Nếu Đơn khởi kiện; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện; Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại được rút sau khi Trung tâm gửi Giấy triệu tập phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và trước ngày mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, Trung tâm hoàn trả 20% phí trọng tài.

2. Trường hợp Hội đồng Trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp do thỏa thuận trọng tài không tồn tại hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, Trung tâm hoàn trả 30% phí trọng tài.

3. Trường hợp Hội đồng Trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp khi có Quyết định của Tòa án cho rằng tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Trọng tài, Trung tâm hoàn trả 20% phí trọng tài.

4. Trong mọi trường hợp, phí trọng tài còn lại sau khi hoàn trả không dưới 10.000.000 đồng.

Giai đoạn 2: Trung tâm thông báo cho Bị đơn về vụ tranh chấp

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Nguyên đơn nộp đủ hồ sơ khởi kiện và đóng phí trọng tài MCAC sẽ Thông báo và gửi cho Bị đơn những văn bản sau:

- Đơn khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu kèm theo;
- Văn bản thoả thuận Trọng tài;
- Danh sách Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung;
- Quy tắc Tố tụng của Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (Quy tắc).
- Biểu mẫu Bản tự bảo vệ tham khảo.

Giai đoạn 3: Bị đơn nộp Bản Tự bảo vệ và chỉ định trọng tài viên

Trường hợp: Bị đơn không có đơn kiện lại và có Bản Tự bảo vệ và chỉ định trọng tài viên

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan, Bị đơn phải gửi tới MCAC Bản tự bảo vệ.

- Bị đơn phải chọn Trọng tài viên thể hiện trong Bản Tự bảo vệ. Trường hợp Bị đơn không đề cập đến việc chỉ định trọng tài viên, Chủ tịch MCAC sẽ chỉ định trọng tài viên cho Bị đơn.

- Trường hợp Bị đơn cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Bị đơn phải nêu rõ trong Bản tự bảo vệ. Nếu Bị đơn không nêu rõ điều đó trong Bản tự bảo vệ thì Bị đơn mất quyền phản đối.

- Trường hợp Bị đơn có yêu cầu gia hạn thời hạn gửi Bản tự bảo vệ thì phải lập bằng văn bản và phải gửi để MCAC nhận được trước khi hết thời hạn gửi Bản tự bảo vệ hoặc trước khi hết thời hạn gia hạn gửi Bản tự bảo vệ.

- Việc Bị đơn không nộp Bản tự bảo vệ sẽ không ngăn cản MCAC tiếp tục quá trình tố tụng trọng tài.

Trường hợp: Bị đơn có Đơn kiện lại

*** Phí trọng tài đối với Đơn kiện lại và các vấn đề liên quan**

- MCAC căn cứ vào yêu cầu trong Đơn kiện lại sẽ thông báo cho Bị đơn nộp phí Trọng tài theo thời hạn quy định không quá 05 ngày.

- Trường hợp Bị đơn không nộp đủ phí trọng tài theo thời hạn quy định: Được coi là Bị đơn rút Đơn Kiện lại.

- Trường hợp Bị đơn nộp phí trọng tài theo thời hạn quy định: Trung tâm sẽ thông báo cho Nguyên đơn về việc đã thụ lý Đơn kiện lại.

- Trong quá trình tố tụng trọng tài, Bị đơn có thể sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại, Bản tự bảo vệ trước thời điểm kết thúc phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp, hoặc Bị đơn có quyền rút Đơn kiện lại trước khi Hội đồng Trọng tài lập Phán quyết trọng tài.

*** Nguyên đơn trình bày Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại**

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bị đơn đã nộp đủ hồ sơ đối với Đơn kiện lại, các tài liệu khác có liên quan và đóng phí trọng tài MCAC sẽ gửi cho Nguyên đơn những văn bản sau:

- Thông báo thụ lý Đơn kiện lại của Bị đơn.
- Đơn kiện lại, và các tài liệu, chứng cứ mà Bị đơn gửi đến MCAC.
- Mẫu Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại.

Nguyên đơn trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn kiện lại và các tài liệu có liên quan, phải gửi tới Trung tâm Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại với số bản theo quy định.

Đơn kiện lại được giải quyết đồng thời bởi chính Hội đồng Trọng tài giải quyết Đơn khởi kiện của Nguyên đơn.

*** GIAI ĐOẠN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI**

Thứ nhất, Quy định chung về Hội đồng Trọng tài

Quy tắc Tố tụng của MCAC quy định: Vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất. Các bên có quyền chọn Hội đồng Trọng tài gồm ba trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất. Trường hợp các bên không thỏa thuận thì vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên.

Trong trường hợp có nhiều Nguyên đơn, Bị đơn thì mỗi bên phải thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc thống nhất yêu cầu MCAC chỉ định một Trọng tài viên hoặc MCAC chỉ định một Trọng tài viên cho mỗi bên. Trong trường hợp tên của người được chọn Trọng tài viên duy nhất không có trong Danh sách Trọng tài viên thì các bên phải thông báo cho MCAC địa chỉ liên hệ của Trọng tài viên này.

Thứ hại, Đối với Hội đồng Trọng tài gồm ba trọng tài viên:

Nguyên đơn và Bị đơn mỗi bên chọn một Trọng tài viên hoặc yêu cầu Chủ tịch MCAC chỉ định một Trọng tài viên.

Hai Trọng tài viên này sẽ bầu một Trọng tài viên khác làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài; Trường hợp hai Trọng tài viên không bầu chọn được Chủ tịch Hội đồng Trọng tài trong thời hạn quy định thì Chủ tịch MCAC sẽ chỉ định một Trọng tài viên làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

Quy trình tố tụng thành lập HĐTT trong trường hợp Nguyên đơn và Bị đơn chọn Trọng tài viên:

- Nguyên đơn chọn một Trọng tài viên khi nộp Đơn khởi kiện.
- Bị đơn chọn một Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan từ MCAC.
- Hai Trọng tài viên này sẽ bầu một Trọng tài viên khác làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Trọng tài viên được Bị đơn chọn. Hết thời hạn này mà MCAC không nhận được thông báo về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Trọng tài thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết hạn, Chủ tịch MCAC ra quyết định chỉ định Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.
- Chủ tịch MCAC ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Trọng tài.

Quy trình tố tụng thành lập Hội đồng trọng tài trong trường hợp Nguyên đơn và Bị đơn không chọn Trọng tài viên.

- Nguyên đơn yêu cầu MCAC chỉ định Trọng tài viên thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Chủ tịch MCAC ra quyết định chỉ định một Trọng tài

viên thay cho Nguyên đơn.

- Bị đơn yêu cầu MCAC chỉ định Trọng tài viên hoặc MCAC ra quyết định chỉ định Trọng tài viên thay cho Bị đơn.
- Bị đơn yêu cầu MCAC chỉ định một Trọng tài viên thì phải thông báo cho MCAC trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.
- Trong trường hợp Bị đơn yêu cầu MCAC chỉ định Trọng tài viên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu chỉ định Trọng tài viên, Chủ tịch MCAC ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Bị đơn.
- Trong trường hợp Bị đơn không chọn Trọng tài viên hoặc không yêu cầu MCAC chỉ định Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày nêu trên, thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn, Chủ tịch MCAC ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Bị đơn.
- Hai Trọng tài viên được chỉ định trên phải bầu một Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Trọng tài viên được nhận được thông báo về việc được chỉ định làm Trọng tài viên. Hết thời hạn này mà MCAC không nhận được thông báo về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Trọng tài thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết hạn, Chủ tịch MCAC ra quyết định chỉ định Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.
- Chủ tịch MCAC ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Trọng tài.

Thứ ba, đối với Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất

Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất chọn Trọng tài viên duy nhất hoặc yêu cầu Chủ tịch MCAC chỉ định Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày Bị đơn nhận được Thông báo, Đơn kiện lại, thoả thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan. Trừ khi các bên có thoả thuận khác.

Hoặc, Chủ tịch MCAC chỉ định Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn 07 ngày, trong trường hợp các bên không thống nhất được Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày Bị đơn nhận được Thông báo, Đơn kiện lại, thoả thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.

Chủ tịch MCAC ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Trọng tài.

*** GIAI ĐOẠN HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP**

Gia đoạn 1: Buổi họp của Hội đồng Trọng tài (HĐTT) xem xét thẩm quyền và thoả thuận trọng tài và vấn đề phát sinh liên quan

1.1. Nội dung Buổi họp của HĐTT

Buổi họp của HĐTT nhằm xem xét sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài, hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét thẩm quyền HĐTT.

1.2. Trình tự, thời gian Buổi họp của HĐTT

- Thời gian tổ chức Buổi họp của HĐTT: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐTT hoặc Trọng tài viên duy nhất gửi Bản tuyên bố nhận làm Trọng tài viên đến MCAC.

- Trong trường hợp HĐTT cho rằng thỏa thuận trọng tài có tồn tại, thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được thì HĐTT tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

- Trong trường hợp HĐTT cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì HĐTT ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.

- HĐTT có thể lập riêng Quyết định về thẩm quyền của HĐTT hoặc quyết định về thẩm quyền của HĐTT trong Phán quyết trọng tài.

1.3. Các bên khiếu nại về Quyết định của Hội đồng trọng tài về việc không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu, thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, thẩm quyền của Hội đồng trọng tài (gọi tắt là Quyết định về Thoả thuận trọng tài)

Một số nguyên tắc áp dụng:

✓ Các bên thực hiện việc khiếu nại khi Hội đồng trọng tài có ban hành Quyết định về Thoả thuận trọng tài;

✓ Trong khi Tòa án giải quyết đơn khiếu nại, Hội đồng trọng tài vẫn có thể tiếp tục giải quyết tranh chấp.

1.4. Quy trình thực hiện quyền của bên khiếu nại Quyết định về Thoả thuận trọng tài

Nội dung đơn khiếu nại theo quy định, và khiếu nại một trong các nội dung sau:

✓ Không có thỏa thuận trọng tài;

✓ Thỏa thuận trọng tài vô hiệu;

✓ Thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được;

✓ Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài

Thời gian thực hiện việc khiếu nại: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định về Thoả thuận trọng tài.

Cơ quan thụ lý giải quyết Khiếu nại: Toà án cấp tỉnh nơi HĐTT ra quyết định.

Gia đoạn 2: Hội đồng Trọng tài xem xét việc thay đổi Trọng tài viên

Hội đồng trọng tài xem xét việc thay đổi Trọng tài viên khi một trong các bên có quyền yêu cầu hoặc khi Trọng tài viên có yêu cầu từ chối giải quyết tranh chấp.

Trình tự thủ tục và các quy định khác của Buổi họp HĐTT tương tự giai đoạn 1 phần này.

Giai đoạn 3: Buổi họp của HĐTT xem xét nội dung hồ sơ vụ tranh chấp

Thời gian tổ chức buổi họp: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày kết thúc Buổi họp của HĐTT xem xét thẩm quyền và thoả thuận trọng tài hoặc cùng với Buổi họp của HĐTT xem xét thẩm quyền và thoả thuận trọng tài.

3.1. Xem xét hồ sơ vụ tranh chấp

Kiểm tra tài liệu, chứng cứ mà các bên cung cấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Tài liệu, chứng cứ về nội dung vụ tranh chấp;
- Quy định của pháp luật giải quyết vụ tranh chấp;
- Xem xét thẩm quyền của các bên;
- Những người tham gia phiên họp giải quyết vụ tranh chấp của các bên;
- Danh sách người làm chứng, chuyên gia, tổ chức cá nhân giám định, định giá nếu có bên yêu cầu. Buổi họp của HĐTT này cũng có thể thống nhất chọn thời gian, địa điểm tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nếu không phát sinh các Buổi họp của HĐTT khác theo yêu cầu các bên.

3.2. Xem xét các vấn đề liên quan đến thoả thuận trọng tài.

Hội đồng Trọng tài xem xét các vấn đề trong thoả thuận trọng tài mà các bên thoả thuận (nếu có): Địa điểm giải quyết tranh chấp, số lượng Trọng tài viên, ngôn ngữ tố tụng trọng tài, luật áp dụng giải quyết tranh chấp…

*** Xác định địa điểm giải quyết tranh chấp và địa điểm tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp**

✓ Địa điểm giải quyết tranh chấp phụ thuộc vào thoả thuận của các bên. Trong trường hợp không có thoả thuận thì Hội đồng Trọng tài quyết định địa điểm giải quyết tranh chấp mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp, ưu tiên địa điểm trụ sở của MCAC.

✓ Địa điểm tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp nếu các bên không có thoả thuận thì Hội đồng Trọng tài sẽ chọn nơi được coi sẽ thuận tiện cho các bên và tiết kiệm chi phí đi lại cho các bên cũng như Hội đồng Trọng tài.

*** Xác định ngôn ngữ trọng tài**

Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.

Đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc vụ tranh chấp trong đó có ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

✓ Ngôn ngữ trọng tài do các bên thỏa thuận.

✓ Trường hợp các bên không có thỏa thuận, HĐTT quyết định ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài, có tính đến các yếu tố có liên quan bao gồm ngôn ngữ của hợp đồng.

✓ Nếu một tài liệu được lập bằng ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ trọng tài thì Hội

đồng Trọng tài hoặc Trung tâm, nếu HĐTT chưa được thành lập, có thể yêu cầu một bên hoặc các bên cung cấp bản dịch.

*** Xác định luật áp dụng giải quyết vụ tranh chấp**

✓ Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp.

✓ Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật do các bên thỏa thuận lựa chọn; nếu các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng trọng tài cho là phù hợp nhất.

✓ Hội đồng trọng tài có thể áp dụng tập quán thích hợp để giải quyết vụ tranh chấp.

Gia đoạn 4: Buổi họp của HĐTT xem xét yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời của một hoặc các bên (nếu có yêu cầu)

4.1. Quy định đối với bên yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT)

- Phải có Đơn yêu cầu với các nội dung theo quy định gửi đến Hội đồng trọng tài.
- Phải cung cấp chứng cứ để chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó.
- Phải thực hiện bảo đảm tài chính như một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá để bảo đảm việc bồi thường những thiệt hại do việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng gây ra cho bên bị áp dụng.
- Chỉ được yêu cầu áp dụng BPKCTT đối với bên tranh chấp, không áp dụng đối với bên thứ ba.
- Chỉ được yêu cầu áp dụng các BPKCTT sau đây:

✓ Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp;

✓ Cấm hoặc buộc bất kỳ bên tranh chấp nào thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm ngăn ngừa các hành vi ảnh hưởng bất lợi đến quá trình tố tụng trọng tài;

✓ Kê biên tài sản đang tranh chấp;

✓ Yêu cầu bảo tồn, cất trữ, bán hoặc định đoạt bất kỳ tài sản nào của một hoặc các bên tranh chấp;

✓ Yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên;

✓ Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.

4.2. Quy định đối với Hội đồng trọng tài khi áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT)

*** Những điều kiện, quy định để Hội đồng trọng tài xem xét.**

✓ Phải có Đơn yêu cầu áp dụng một hoặc một số BPKCTT.

✓ Bên yêu cầu phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng BPKCTT đó.

✓ Bên yêu cầu áp dụng BPKCTT đã thực hiện nghĩa vụ bảo đảm về tài chính để bảo đảm việc bồi thường những thiệt hại do việc yêu cầu áp dụng BPKCTT không đúng gây thiệt hại cho người bị áp dụng.

✓ Chưa có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT.

✓ Chỉ được áp dụng BPKCTT đối với bên tranh chấp, không áp dụng đối với bên thứ ba.

✓ Xem xét những trường hợp không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 02/2020/NQ- HĐTP của HĐTP TANDTC ngày 24 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn một số quy định về các BPKCTT của Bộ luật Tố tụng dân sự.

✓ Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác hoặc vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bên yêu cầu mà gây thiệt hại cho bên yêu cầu, bên bị áp dụng hoặc người thứ ba thì người bị thiệt hại có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

*** Trình tự, thủ tục đối với Hội đồng trọng tài khi áp dụng BPKCTT**

HĐTT xem xét Đơn yêu cầu, chứng cứ để chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng BPKCTT đó.

+ Trường hợp HĐTT xét thấy việc áp dụng BPKCTT là cần thiết và Đơn yêu cầu đúng theo quy định thì sẽ tiếp tục thực hiện các quy trình sau:

Bước 01: HĐTT ban hành văn bản yêu cầu bên yêu cầu áp dụng BPKCTT gửi khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng do Hội đồng trọng tài chỉ định và gửi ngay trong ngày về Ban thư ký MCAC.

Bước 02: Ban thư ký MCAC trong vòng 24 giờ đồng hồ phải gửi văn bản trên cho bên yêu cầu áp dụng BPKCTT theo cách thức gửi văn bản của tố tụng trọng tài.

Bước 03: Hội đồng trọng tài ban hành Quyết định áp dụng BPKCTT và gửi cho Bên yêu cầu, cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày bên yêu cầu áp dụng BPKCTT đã thực hiện biện pháp bảo đảm theo văn bản mà HĐTT đã yêu cầu.

Việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

+ Trường hợp HĐTT xét thấy việc áp dụng BPKCTT là không cần thiết hoặc Đơn yêu cầu không đúng theo quy định hoặc chứng cứ chứng minh không phù hợp hoặc bên yêu cầu đã có đơn yêu cầu Toà án áp dụng BPKCTT thì HĐTT ban hành Quyết định không áp dụng BPKCTT, gửi đến bên yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn yêu cầu.

Giai đoạn 5: Buổi họp của HĐTT xem xét yêu cầu thay đổi, bổ sung việc áp dụng các Biện pháp khẩn cấp tạm thời (nếu có yêu cầu)

Các quy định chung:

- ✓ Bên yêu cầu phải có đơn yêu cầu.
- ✓ HĐTT ban hành Quyết định thay đổi, bổ sung việc áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Giai đoạn 6: Buổi họp của HĐTT xem xét yêu cầu huỷ bỏ việc áp dụng các Biện pháp khẩn cấp tạm thời (nếu có yêu cầu)

Hội đồng trọng tài hủy bỏ BPKCTT đã được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- ✓ Bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề nghị hủy bỏ;
- ✓ Bên phải thi hành quyết định áp dụng BPKCTT đã nộp tài sản hoặc có người khác thực hiện biện pháp bảo đảm thi hành nghĩa vụ đối với bên có yêu cầu;
- ✓ Nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ chấm dứt theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục huỷ bỏ việc áp dụng các BPKCTT:
- ✓ HĐTT xem xét Đơn yêu cầu và các căn cứ quy định để huỷ bỏ việc áp dụng các BPKCTT.
- ✓ Trình tự thủ tục khác của Buổi họp HĐTT tham khảo mục D.I. trên.
- ✓ Hội đồng trọng tài ban hành Quyết định huỷ bỏ việc áp dụng BPKCTT và gửi cho Bên yêu cầu, cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Đơn yêu cầu.

Giai đoạn 7: Buổi họp của HĐTT xác minh sự việc (nếu cần thiết)

7.1. Điều kiện để HĐTT xác minh sự việc

- ✓ HĐTT xét thấy xác minh sự việc là cần thiết.
- ✓ Có một hoặc các bên yêu cầu xác minh sự việc.

7.2. Đối tượng để HĐTT xác minh sự việc

- ✓ Một hoặc các bên trong vụ tranh chấp.
- ✓ Người thứ ba.

7.3. Địa điểm HĐTT xác minh sự việc

HĐTT quyết định địa điểm phù hợp cho việc trao đổi với các bên, người thứ ba.

7.4. Quy định về buổi họp xác minh sự việc của HĐTT

Hình thức xác minh: Gặp trực tiếp giữa HĐTT với một hoặc các bên; hoặc với người thứ ba.

Khi thực hiện việc xác minh sự việc với một bên: Phải có sự tham gia của bên kia

bằng hình thức thích hợp.

Khi thực hiện việc xác minh sự việc với người thứ ba: Phải có sự tham gia của các bên hoặc sau khi đã thông báo cho các bên trong tranh chấp.

Văn bản về kết quả buổi họp xác minh sự việc của HĐTT: HĐTT quyết định hình thức văn bản, có ghi lại quá trình, nội dung buổi làm việc.

Giai đoạn 8: Buổi họp của HĐTT xem xét, thu thập chứng cứ (nếu cần thiết)

8.1. Quyền yêu cầu của một hoặc các bên cung cấp chứng cứ

Điều kiện áp dụng: Nếu HĐTT xét thấy chứng cứ là cần thiết cho việc giải quyết vụ tranh chấp.

Hình thức: Yêu cầu bằng văn bản và có quy định thời hạn cụ thể. Thời gian có thể gia hạn nếu một hoặc các bên yêu cầu và HĐTT xét thấy cần thiết, phù hợp.

8.2. Quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết vụ tranh chấp.

*** Vấn đề xác định ai là Người làm chứng?**

Một hoặc các bên thông báo cho HĐTT về Người làm chứng. HĐTT không tự xác định (tham khảo khái niệm Người làm chứng theo Bộ luật Tố tụng dân sự).

HĐTT yêu cầu Một hoặc các bên thông báo cho HĐTT các thông tin về Người làm chứng:

- Tên và địa chỉ của Người làm chứng.
- Đối tượng cần làm chứng.
- Mối quan hệ giữa Người làm chứng với một hoặc các bên.
- Ngôn ngữ mà Người làm chứng sử dụng (nếu cần thiết).

Hình thức tham gia của Người làm chứng: HĐTT triệu tập người làm chứng đến dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp theo yêu cầu của một hoặc các bên.

Trường hợp Người làm chứng không đến thì:

- HĐTT hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và gửi văn bản đề nghị Toà án có thẩm quyền hỗ trợ hoặc,
- Vẫn tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.
- HĐTT yêu cầu Người làm chứng gửi cho HĐTT văn bản trình bày lời khai và/hoặc cung cấp tài liệu cần thiết.

*** Chi phí cho Người làm chứng** *(chỉ áp dụng đối với trường hợp HĐTT triệu tập Người làm chứng):*

- Nếu một bên yêu cầu triệu tập Người làm chứng: chi phí do bên yêu cầu chịu.
- Nếu các bên yêu cầu triệu tập Người làm chứng: chi phí do HĐTT phân bổ cho

các bên.

8.3. Quyền đề nghị Toà án hỗ trợ thu thập chứng cứ (nếu HĐTT xét thấy cần thiết)

*** Điều kiện áp dụng:** Khi HĐTT, một hoặc các bên đã áp dụng các biện pháp cần thiết mà không thu thập được chứng cứ.

*** Hình thức đề nghị:** Gửi văn bản.

Giai đoạn 9: Buổi họp của HĐTT về vấn đề trưng cầu giám định, định giá tài sản trong vụ tranh chấp[20]

9.1. Điều kiện áp dụng:

- Một hoặc các bên có yêu cầu, hoặc
- HĐTT xét thấy cần thiết.

9.2. Trình tự, thủ tục:

HĐTT quyết định trưng cầu giám định hoặc định giá tài sản, và yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp gửi Thông báo cho bên có yêu cầu hoặc các bên có yêu cầu giám định hoặc định giá tài sản nộp chi phí cho việc yêu cầu ấy.

Khi nhận được Thông báo từ Thư ký vụ tranh chấp về việc một hoặc các bên đã nộp chi phí giám định hoặc định giá tài sản, HĐTT gửi văn bản cho tổ chức/cá nhân giám định hoặc định giá để tiến hành giám định hoặc định giá tài sản. Kết quả giám định hoặc định giá tài sản là căn cứ khách quan để giải quyết vụ tranh chấp.

Trường hợp khi nhận được Thông báo từ Thư ký vụ tranh chấp về việc một hoặc các bên đã không nộp đủ chi phí giám định hoặc định giá tài sản, HĐTT quyết định giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

Giai đoạn 10: HĐTT tham vấn ý kiến chuyên gia để giải quyết vụ tranh chấp

10.1. Điều kiện áp dụng:

- Một hoặc các bên có yêu cầu, hoặc,
- HĐTT xét thấy cần thiết.

10.2. Trình tự, thủ tục:

Bước 01: HĐTT quyết định tham vấn ý kiến chuyên gia và yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp gửi Thông báo cho bên có yêu cầu tham vấn hoặc các bên nộp chi phí tham vấn chuyên gia.

Hai trường hợp có thể xảy ra:

- Khi nhận được Thông báo từ Thư ký vụ tranh chấp về việc một hoặc các bên không nộp đủ phí tham vấn chuyên gia, HĐTT quyết định giải quyết vụ tranh chấp trên

cơ sở hồ sơ hiện có.

- Khi nhận được Thông báo từ Thư ký vụ tranh chấp về việc một hoặc các bên đã nộp đủ phí tham vấn chuyên gia, HĐTT gửi văn bản yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp gửi cho các bên yêu cầu cung cấp cho chuyên gia các thông tin có liên quan hoặc cho phép chuyên gia tiếp cận tài liệu, hàng hoá hoặc tài sản có liên quan và thực hiện các bước tiếp theo dưới đây.

Bước 02: HĐTT yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp gửi yêu cầu chuyên gia nộp Báo cáo kết quả làm việc bằng văn bản.

Bước 03: HĐTT khi nhận được Báo cáo kết quả làm việc bằng văn bản của chuyên gia sẽ yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp gửi bản sao Báo cáo này cho các bên và yêu cầu các bên cung cấp ý kiến bằng văn bản về Báo cáo này.

Bước 04: HĐTT xem xét Báo cáo của chuyên gia và ý kiến của các bên về Báo cáo của chuyên gia để giải quyết vụ tranh chấp.

Giai đoạn 11: Buổi họp của HĐTT về việc đình chỉ vụ tranh chấp (nếu có)

HĐTT tổ chức buổi họp để giải quyết việc đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp trong các trường hợp sau đây:

1) Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế;

2) Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cơ quan, tổ chức đã chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức mà không có cơ quan, tổ chức nào tiếp nhận quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó;

3) Nguyên đơn rút Đơn khởi kiện, trừ trường hợp Bị đơn có Đơn kiện lại;

4) Nguyên đơn được coi là đã rút Đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Quy tắc Tố tụng này, trừ trường hợp Bị đơn có yêu cầu tiếp tục giải quyết tranh chấp;

5) Các bên thoả thuận chấm dứt việc giải quyết tranh chấp;

6) Khi có Quyết định của Hội đồng Trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy tắc Tố tụng của MCAC;

7) Khi có Quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng Trọng tài ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập thì Chủ tịch MCAC ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.

***GIAI ĐOẠN TỔ CHỨC PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP**

Giai đoạn 1: Hội đồng trọng tài họp chuẩn bị phiên họp giải quyết tranh chấp và gửi Giấy triệu tập

1.1. Nguyên tắc:

- Trong mọi trường hợp phải tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp, HĐTT

không được tự ra Phán quyết trọng tài mà không tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp.

- Phiên họp giải quyết tranh chấp được tiến hành không công khai, trừ khi các bên có thoả thuận khác.
- Có thể tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp khi vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn hoặc khi có yêu cầu vắng mặt của một hoặc các bên.

1.2. Thời gian tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp

- Có thể có một hoặc nhiều phiên họp giải quyết tranh chấp
- Có thể tiến hành trong một buổi, một ngày hoặc nhiều ngày liên tiếp hoặc nhiều ngày ngắt quãng.

1.3. Nơi tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp

- Do các bên thoả thuận, hoặc
- Do HĐTT quyết định khi các bên không có thoả thuận.

HĐTT quyết định nơi tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp dựa trên những yếu tố sau:

✓ Nếu hai bên đều có trụ sở ở một địa phương hoặc thành phố thuộc Việt Nam thì sẽ tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp tại địa phương đó để tạo điều kiện thuận lợi cho tố tụng trọng tài. Thông thường sẽ tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp tại 4 thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ.

✓ Nếu một bên có trụ sở tại tỉnh Nghệ An và bên kia có trụ sở ở địa phương khác (trong nước hoặc nước ngoài) thì sẽ tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp tại Hà Nội.

✓ Nếu hai bên đều có trụ sở ở nước ngoài thì sẽ tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp tại tỉnh Nghệ An.

1.4. Thành phần tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp.

✓ Hội đồng Trọng tài;

✓ Các bên trong tranh chấp (bao gồm cả người đại diện theo uỷ quyền và người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của các bên);

✓ Chuyên gia hoặc người làm chứng, tổ chức, cá nhân giám định, định giá tài sản (nếu có);

✓ Thư ký vụ tranh chấp.

1.5. Trình tự thông báo, gửi Giấy triệu tập tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp.

"Giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được Trung tâm gửi cho các bên chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên họp, trừ khi các bên không có thoả

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

thuận khác".

*** Quy định về thời gian để HĐTT quyết định thời gian tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp.**

Không quá 30 ngày:

✓ Kể từ ngày Hội đồng Trọng tài được thành lập, hoặc

✓ Kể từ ngày kết thúc Buổi họp của HĐTT giải quyết xong các vấn đề phát sinh (trừ trường hợp có quy định khác).

*** Quy định về trình tự gửi Giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp**

HĐTT không quá 20 ngày trước ngày tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp phải gửi cho Thư ký vụ tranh chấp văn bản Giấy triệu tập.

Thư ký vụ tranh chấp gửi Giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp cho các bên chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên họp, trừ khi các bên không có thoả thuận khác.

Giai đoạn 2: Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp - trường hợp bị hoãn

2.1. Các trường hợp hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp

- Một bên hoặc các bên yêu cầu với lý do chính đáng.
- HĐTT quyết định hoãn nếu thấy cần thiết (trường hợp cần hạn chế vì sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí, thời gian, thủ tục tố tụng,…)

2.2. Gửi thông báo hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp

Trường hợp một hoặc các bên yêu cầu: Trong thời hạn tối đa là 02 ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu hoãn, HĐTT phải ra quyết định hoãn hoặc tiếp tục phiên họp và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp. Quyết định hoãn phải ấn định thời gian, nơi tiến hành, thành phần tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp tiếp theo.

Trường hợp HĐTT quyết định: Trong thời hạn tối đa là 02 ngày kể từ ngày HĐTT thống nhất ý kiến về việc hoãn phiên họp, HĐTT phải ra quyết định hoãn phiên họp và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp. Quyết định hoãn phải ấn định thời gian, nơi tiến hành, thành phần tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp tiếp theo.

Giai đoạn 3: Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

3.1. Quy trình tổ chức và điều hành phiên họp giải quyết tranh chấp.

***Phần thủ tục bắt đầu phiên họp giải quyết tranh chấp.**

- Thư ký phiên họp kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên họp theo giấy triệu tập của MCAC trọng tài và kiểm tra căn cước của đương sự.
- Thư ký vụ tranh chấp phổ biến nội quy phiên họp cho những người có mặt biết.
- Thư ký vụ tranh chấp báo cáo với HĐTT về sự có mặt, hoặc vắng mặt của những

người tham gia phiên họp theo Giấy triệu tập của HĐTT và lý do vắng mặt (nếu có).

- Chủ tịch HĐTT giới thiệu thành phần Hội đồng trọng tài.

***HĐTT xem xét, quyết định những vấn đề trước khi tiếp tục phiên họp giải quyết tranh chấp.**

- Chủ tịch HĐTT đề nghị các bên cho ý kiến về thành phần HĐTT, có yêu cầu thay đổi Trọng tài viên.
- Chủ tịch HĐTT yêu cầu các bên có thay đổi, bổ sung gì về Đơn kiện, Đơn kiện lại, Bản tự bảo vệ, Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại.
- Chủ tịch HĐTT hỏi các bên có thoả thuận hoà giải với nhau về các vấn đề tranh chấp không. HĐTT khuyến khích các bên thương lượng, hoà giải ở bất cứ giai đoạn nào của phiên họp giải quyết tranh chấp. Nếu các bên đạt được sự hoà giải thì HĐTT sẽ lập Biên bản hoà giải thành. Hội đồng Trọng tài phải xem xét sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài, hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét phạm vi thẩm quyền của mình cho dù có hay không có khiếu nại của một bên về các vấn đề này.
- Trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Hội đồng Trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.
- Trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài có tồn tại, thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được nhưng có khiếu nại của một hoặc các bên thì Hội đồng Trọng tài ban hành Quyết định về thẩm quyền hoặc thể hiện quyết định ấy trong Phán quyết trọng tài.
- Trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài có tồn tại, thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được, và không có khiếu nại của bên nào thì Hội đồng Trọng tài tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

***Diễn biến phiên họp giải quyết tranh chấp.**

Thứ nhất, các bên trình bày yêu cầu khởi kiện, đơn kiện lại.

Nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung (nếu có) và trình bày tóm tắt nội dung vụ tranh chấp.

Bị đơn trình bày ý kiến đối với các yêu cầu trong Đơn kiện của Nguyên đơn, trình bày các nội dung trong Bản tự bảo vệ, yêu cầu bổ sung Đơn kiện lại và trình bày tóm tắt nội dung vụ tranh chấp có liên quan đến Đơn kiện lại (nếu có).

Người làm chứng, người giám định,… trình bày các vấn đề liên quan (nếu có).

Thứ hại, HĐTT hỏi các bên.

HĐTT thứ tự đặt ra những câu hỏi đối với nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng,

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

người giám định,… để làm rõ vấn đề của vụ tranh chấp.

Thứ ba, Các bên tranh luận.

HĐTT sẽ điều hành sự tranh luận của các bên theo trình tự hợp lý

Nguyên đơn, bị đơn tranh luận những vấn đề liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về yêu cầu của Đơn kiện lại của Bị đơn (nếu có).

HĐTT xét thấy cần thiết có thể yêu cầu các bên tranh luận bổ sung về những vấn đề cụ thể để làm căn cứ giải quyết vụ tranh chấp.

Thứ tư, Hội đồng trọng tài kết luận về những vấn đề tranh chấp và tuyên bố

Các bên sau khi kết thúc thì HĐTT vào phòng riêng để hội ý về giải quyết vụ tranh chấp. HĐTT trở lại phòng họp, kết luận về những vấn đề tranh chấp và tuyên bố:

- Thời gian, địa điểm tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp tiếp theo (nếu cần thiết), hoặc
- HĐTT tuyên bố đây là phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp nếu HĐTT thấy rằng các bên không còn bất kỳ tài liệu hoặc chứng cứ có liên quan nào để cung cấp.

Lưu ý: Sau phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp, HĐTT không có nghĩa vụ xem xét bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào do các bên gửi.

Giai đoạn 4: Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp – trường hợp các bên hoà giải

4.1. Điều kiện áp dụng

- Khi các bên có yêu cầu HĐTT tiến hành hoà giải;
- Tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp.

4.2. Thời gian tiến hành hoà giải.

Bất cứ thời điểm nào tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp khi các bên có yêu cầu.

4.3. **Cách thức thực hiện**.

HĐTT tham gia phân tích, gợi ý phương án hoà giải cho các bên, hoặc

HĐTT rời phòng họp để các bên tiến hành hoà giải, sau đó các bên thông báo kết quả hoà giải cho HĐTT.

4.4. Hình thức pháp lý

*** Nếu các bên hoà giải thành**

HĐTT yêu cầu Thư ký vụ tranh chấp giúp các bên lập Biên bản hoà giải thành. Biên bản hoà giải thành phải có chữ ký của các bên, chữ ký của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất.

HĐTT ban hành Quyết định công nhận hoà giải thành.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

Lưu ý: Quan điểm, lập luận, đề xuất của các bên đưa ra khi hoà giải không được sử dụng làm căn cứ để chống lại một/các bên khi hoà giải không thành.

*** Nếu các bên hoà giải không thành:** HĐTT tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

Giai đoạn 5: Lập và gửi Phán quyết trọng tài.

5.1. Nguyên tắc lập Phán quyết trọng tài.

✓ Phán quyết trọng tài được lập theo nguyên tắc đa số. Ý kiến thiểu số có thể được ghi hoặc không ghi trong Phán quyết trọng tài.

✓ Nếu không đạt được đa số thì Phán quyết trọng tài được quyết định bởi Chủ tịch HĐTT.

✓ Trong mọi trường hợp, các Trọng tài viên đều phải ký vào Phán quyết trọng tài. Khi có Trọng tài viên không ký vào Phán quyết trọng tài thì Chủ tịch HĐTT phải ghi việc này trong Phán quyết trọng tài và nêu rõ lý do.

5.2. Thời gian lập và gửi Phán quyết trọng tài

Phán quyết trọng tài phải được lập và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp.

Nội dung Phán quyết trọng tài *(được thực hiện theo mẫu của Trung tâm trọng tài)*

5.3. Trình tự lập và gửi Phán quyết trọng tài

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng, Chủ tịch HĐTT/Trọng tài viên duy nhất hoặc thành viên khác của HĐTT (nếu được Chủ tịch HĐTT giao) (gọi tắt là Người soạn thảo) soạn thảo dự thảo Phán quyết trọng tài, và gửi dự thảo này cho các thành viên HĐTT góp ý.

Trong vòng 6 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo Phán quyết trọng tài, các thành viên còn lại của HĐTT phải gửi ý kiến của mình cho Người soạn thảo.

Trong vòng 4 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của các thành viên khác của HĐTT thì Người soạn thảo phải hoàn thiện Phán quyết trọng tài và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp qua email.

Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo Phán quyết trọng tài, Thư ký vụ tranh chấp kiểm tra các lỗi chính tả (nếu có) và chỉnh sửa lại hình thức trình bày cho phù hợp với mẫu quy định của Trung tâm, Thư ký vụ tranh chấp cũng có thể góp ý về nội dung Phán quyết trọng tài và gửi góp ý trong bản dự thảo cho Người soạn thảo (nếu có).

<u>Lưu ý:</u> Thư ký vụ tranh chấp có thể đề xuất ý kiến dựa trên tiền lệ các vụ tranh chấp đã giải quyết tại Trung tâm, các nghiên cứu chuyên môn của MCAC có liên quan để HĐTT tham khảo.

Người soạn thảo hoàn thiện lần cuối (có tham gia ý kiến của các thành viên HĐTT trong trường hợp HĐTT có 3 trọng tài viên). Người soạn thảo in Phán quyết trọng tài với số lượng phù hợp với số lượng Nguyên đơn, Bị đơn, ký và chuyển cho các Trọng tài viên

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

còn lại ký Phán quyết trọng tài trong thời hạn 4 ngày.

Người soạn thảo gửi các bản Phán quyết trọng tài có chữ ký các Trọng tài viên HĐTT bằng hình thức phù hợp để Thư ký vụ tranh chấp nhận được trong vòng 2 ngày, kể từ ngày Người soạn thảo gửi.

Thư ký vụ tranh chấp đóng dấu MCAC lên các bản Phán quyết trọng tài và gửi ngay cho các bên trong vòng 1 ngày kể từ ngày nhận.

Giai đoạn 6: Sửa chữa, giải thích Phán quyết trọng tài hoặc lập phán quyết trọng tài bổ sung (nếu có)

6.1. Sửa chữa Phán quyết trọng tài

***Điều kiện áp dụng**

Theo yêu cầu của một hoặc các bên trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài (trừ khi các bên có thoả thuận khác) và có chứng cứ về việc đã thông báo cho bên kia, hoặc HĐTT chủ động sửa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập Phán quyết trọng tài.

Chỉ sửa những lỗi chính tả, lỗi in, lỗi đánh máy và các lỗi khác có bản chất tương tự; lỗi số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai trong Phán quyết trọng tài.

***Nguyên tắc lập Quyết định sửa chữa Phán quyết trọng tài.**

Theo nguyên tắc đa số. Nếu không đạt được đa số thì Quyết định sửa chữa Phán quyết trọng tài được quyết định bởi Chủ tịch HĐTT. Khi có Trọng tài viên không ký vào Quyết định sửa chữa Phán quyết trọng tài thì Chủ tịch HĐTT phải ghi việc này trong Quyết định sửa chữa Phán quyết trọng tài và nêu rõ lý do.

***Thời hạn sửa Phán quyết trọng tài.**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa chữa hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập Phán quyết trọng tài, HĐTT phải lập Quyết định sửa chữa và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp hoặc thông báo cho Thư ký vụ tranh chấp về việc HĐTT không chấp nhận yêu cầu lập Quyết định sửa chữa và nêu rõ lý do. HĐTT có thể gia hạn thời hạn này trong trường hợp cần thiết.

***Nội dung Quyết định sửa chữa Phán quyết trọng tài:** *(được thực hiện theo mẫu của Trung tâm trọng tài)*

6.2. Giải thích Phán quyết trọng tài.

***Điều kiện áp dụng**

Theo yêu cầu của một hoặc các bên trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài (trừ khi các bên có thoả thuận khác) và có chứng cứ về việc đã thông báo cho bên kia.

***Nguyên tắc lập Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài.**

Theo nguyên tắc đa số. Nếu không đạt được đa số thì Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài được quyết định bởi Chủ tịch HĐTT. Khi có Trọng tài viên không ký vào Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài thì Chủ tịch HĐTT phải ghi việc này trong Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài và nêu rõ lý do.

***Thời hạn lập Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài.**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu giải thích, HĐTT phải lập Quyết định giải thích và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp hoặc thông báo cho Thư ký vụ tranh chấp về việc HĐTT không chấp nhận yêu cầu lập Quyết định giải thích và nêu rõ lý do. HĐTT có thể gia hạn thời hạn này trong trường hợp cần thiết.

***Nội dung Quyết định giải thích Phán quyết trọng tài:** *(được thực hiện theo mẫu của Trung tâm trọng tài)*

6.3. Lập Phán quyết trọng tài bổ sung

***Điều kiện áp dụng**

- Theo yêu cầu của một hoặc các bên trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài (trừ khi các bên có thoả thuận khác) và có chứng cứ về việc đã thông báo cho bên kia.
- Chỉ lập Phán quyết trọng tài bổ sung đối với các yêu cầu đã được trình bày trong quá trình tố tụng trọng tài nhưng không được ghi trong Phán quyết trọng tài.

***Nguyên tắc lập Phán quyết trọng tài bổ sung.**

Theo nguyên tắc đa số. Nếu không đạt được đa số thì Phán quyết trọng tài bổ sung được quyết định bởi Chủ tịch HĐTT. Khi có Trọng tài viên không ký vào Phán quyết trọng tài bổ sung thì Chủ tịch HĐTT phải ghi việc này trong Phán quyết trọng tài bổ sung và nêu rõ lý do.

***Thời hạn lập Phán quyết trọng tài bổ sung**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu lập Phán quyết trọng tài bổ sung, HĐTT phải lập Phán quyết trọng tài bổ sung và gửi cho Thư ký vụ tranh chấp hoặc thông báo cho Thư ký vụ tranh chấp về việc HĐTT không chấp nhận yêu cầu lập Phán quyết trọng tài bổ sung và nêu rõ lý do. HĐTT có thể gia hạn thời hạn này trong trường hợp cần thiết.

***Nội dung Phán quyết trọng tài bổ sung** *(được thực hiện theo mẫu của Trung tâm trọng tài)*

Giai đoạn 7: Các công việc khác của HĐTT, Trọng tài viên

- Phối hợp với Thư ký vụ tranh chấp để trả lời các khiếu nại của các bên hoặc yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ tranh chấp.
- Có ý kiến khi cần thiết với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan với tư cách

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsunghеanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

là Trọng tài viên đã tham gia giải quyết vụ tranh chấp. Theo dõi, hướng dẫn quá trình thi hành Phán quyết trọng tài, phản hồi các bên và dư luận và Các vấn đề phát sinh khác.

B. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI TÒA ÁN

I. TRÌNH TỰ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT THEO THỦ TỤC SƠ THẨM

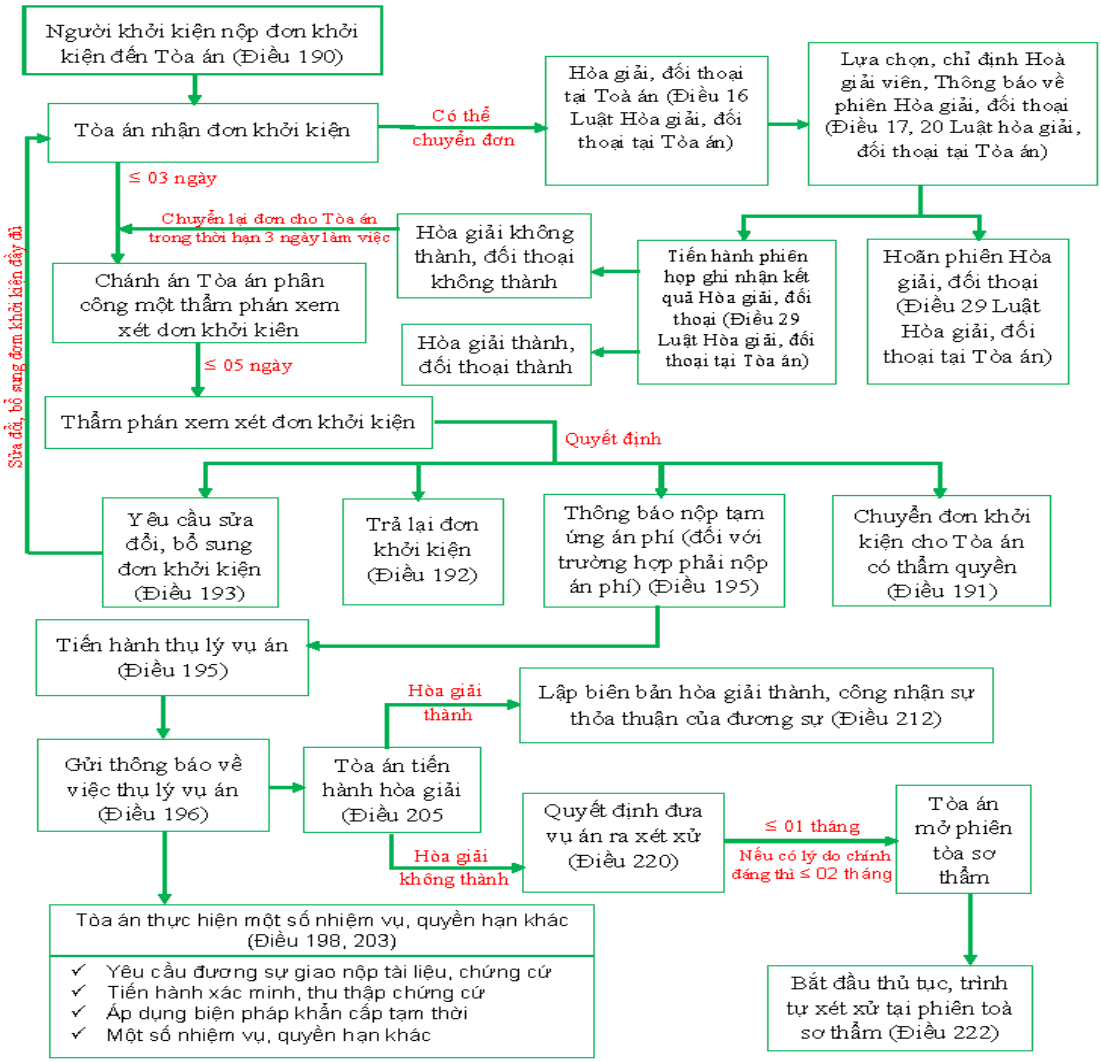

1. Thụ lý vụ án

Sau khi nhận đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo hợp lệ nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Thẩm phán phải thông báo ngay cho người khởi

kiện biết để họ đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí trong trường hợp họ phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Thẩm phán dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi vào giấy báo và giao cho người khởi kiện để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Thẩm phán thụ lý vụ án khi người khởi kiện nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí thì Thẩm phán phải thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

2. Quyền yêu cầu bổ sung đơn kiện, rút một phần, toàn bộ đơn kiện

Căn cứ Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định các quyền, nghĩa vụ của đương sự như sau:

- Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện; rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.
- Chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Khoản 2 Điều 71 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 về quyền của nguyên đơn: "*Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện; rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện*".

Thời điểm đưa ra yêu cầu: Nguyên đơn có quyền bổ sung, rút một phần, toàn bộ yêu cầu khởi kiện trong toàn bộ thời gian giải quyết vụ, ngay cả trong phiên tòa sơ thẩm. Cụ thể:

- Giai đoạn trước khi thụ lý vụ án: Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 192 BLTTDS người nộp hồ sơ khởi kiện có quyền rút đơn khởi kiện.

Khi người khởi kiện rút đơn khởi kiện, Thẩm phán được phân công xem xét đơn khởi kiện sẽ trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện. Trường hợp này đương sự có quyền nộp lại đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 192 BLTTDS 2015.

- Giai đoạn sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án:

Theo điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS khi người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đó là đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự, được trả lại tiền tạm ứng án phí mà đương sự đã nộp và được quyền kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo Điều 218 BLTTTDS 2015.

- Giai đoạn tại phiên tòa sơ thẩm: Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút theo Khoản 2 Điều 244 BLTTDS 2015.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Lưu ý: Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nhưng bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố của mình thì bị đơn trở thành nguyên đơn và nguyên đơn trở thành bị đơn[10].

3. Quyền phản tố, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ phản tố

Khoản 4 Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 quy định về quyền của bị đơn: "*Đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, nếu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề nghị đối trừ với nghĩa vụ của nguyên đơn*".

Theo quy định tại Điều 200 BLTTDS năm 2015 quy định:

- Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- Yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

  - Yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập;
  - Yêu cầu phản tố được chấp nhận dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập;
  - Giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn.

- Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

4. Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải

a. Trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ:

Trước khi tiến hành phiên họp, Thư ký Tòa án báo cáo Thẩm phán về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp đã được Tòa án thông báo. Thẩm phán chủ trì phiên họp kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia, phổ biến cho các đương sự về quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật này.

Khi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thẩm phán công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hỏi đương sự về những vấn đề sau đây:

- Yêu cầu và phạm vi khởi kiện, việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập; những vấn đề đã thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết;

[10] *Khoản 1 Điều 245 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

- Tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án và việc gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự khác;

- Bổ sung tài liệu, chứng cứ; yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

- Những vấn đề khác mà đương sự thấy cần thiết.

Sau khi các đương sự đã trình bày xong, Thẩm phán xem xét các ý kiến, giải quyết các yêu cầu của đương sự quy định tại khoản 2 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trường hợp người được Tòa án triệu tập vắng mặt thì Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho họ.

b) Thủ tục tiến hành việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải

Theo quy định tại khoản 4 Điều 210 BLTTDS năm 2015 quy định về thủ tục tiến hành phiên họp hòa giải, công khai chứng cứ bao gồm các bước như sau:

Bước 1: Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bước 2:

- Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày nội dung tranh chấp, bổ sung yêu cầu khởi kiện; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu khởi kiện và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có).

- Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu phản tố (nếu có); những căn cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu phản tố của mình và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; trình bày yêu cầu độc lập của mình (nếu có); những căn cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu độc lập của mình và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có).

- Người khác tham gia phiên họp hòa giải (nếu có) phát biểu ý kiến.

Bước 3: Sau khi các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày hết ý kiến của mình, Thẩm phán xác định những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất và yêu cầu các đương sự trình bày bổ sung về những nội dung chưa rõ, chưa thống nhất.

Bước 4: Thẩm phán kết luận về những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelуat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Trường hợp 1: Hòa giải thành

Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án dân sự thì Tòa án lập biên bản hòa giải thành. Biên bản này được gửi ngay cho các đương sự tham gia hòa giải[11]. Ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:[12]

Hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án phải gửi quyết định đó cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp.

Thẩm phán chỉ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 mà các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận đó chỉ có giá trị đối với những người có mặt và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Trường hợp thỏa thuận của họ có ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thỏa thuận này chỉ có giá trị và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu được đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản.

Trường hợp 2: Hòa giải không thành

Nếu các bên không thống nhất được tất cả các vấn đề đang tranh chấp thì Tòa án lập biên bản hòa giải không thành. Sau đó có thể ấn định lịch hòa giải tiếp theo hoặc ra quyết định xét xử vụ án.

5. Các thủ tục tố tụng khác có khả năng phát sinh

**** Thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản***

a) Thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ:

Đối với những tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh có đối tượng tranh chấp là bất động sản, có tài sản tranh chấp thì theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với sự có mặt của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi có đối tượng cần xem xét, thẩm định và phải báo trước việc xem xét, thẩm định tại chỗ để đương sự biết và chứng kiến việc xem xét, thẩm định đó. Đây là một biện pháp thu thập chứng cứ quan trọng, là căn cứ để giải quyết vụ việc dân sự một cách chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

[11] *khoản 5 Điều 211 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[12] *Điều 212 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn 1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An. Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ[13]

- Người yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ phải nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Tòa án.

- Trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết và quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ thì nguyên đơn, người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm phải nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ[14]

Trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định như sau: Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận.

b) Định giá tài sản[15]

Đương sự có quyền cung cấp giá tài sản đang tranh chấp; thỏa thuận về giá tài sản đang tranh chấp. Các đương sự có quyền thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để thực hiện việc thẩm định giá tài sản và cung cấp kết quả thẩm định giá cho Tòa án. Việc thẩm định giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá tài sản.

Tòa án ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự;

b) Các đương sự không thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản hoặc đưa ra giá tài sản khác nhau hoặc không thỏa thuận được giá tài sản;

c) Các bên thỏa thuận với nhau hoặc với tổ chức thẩm định giá tài sản theo mức giá thấp so với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm định giá nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba hoặc có căn cứ cho thấy tổ chức thẩm định giá tài sản đã vi phạm pháp luật khi thẩm định giá.

Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản[16]

Trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản được xác định như sau:

- Người yêu cầu định giá tài sản phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.

- Trường hợp các bên đương sự không thống nhất được về giá và cùng yêu cầu Tòa án định giá tài sản thì mỗi bên đương sự phải nộp một nửa tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản. Trường hợp có nhiều đương sự, thì các bên đương sự cùng phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản theo mức mà Tòa án quyết định.

- Nguyên đơn, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản khi Tòa án ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá theo quy định.

---

[13] *Điều 156 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*
[14] *Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*
[15] *Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*
[16] *Điều 164 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*

Nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, thẩm định giá:

Trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, thẩm định giá được xác định như sau:

- Đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận.

- Trường hợp Tòa án ra quyết định định giá tài sản do các bên thỏa thuận với nhau hoặc với tổ chức thẩm định giá tài sản theo mức giá thấp so với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm định giá nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba hoặc có căn cứ cho thấy tổ chức thẩm định giá tài sản đã vi phạm pháp luật khi thẩm định giá thì nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản được xác định như sau:

+ Đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu kết quả định giá chứng minh quyết định định giá tài sản của Tòa án là có căn cứ;

+ Tòa án trả chi phí định giá tài sản nếu kết quả định giá tài sản chứng minh quyết định định giá tài sản của Tòa án là không có căn cứ.

c) Hậu quả khi không nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản[17]:

Trường hợp nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

Trường hợp bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

*** Đối với Tranh chấp có đương sự ở nước ngoài[18]:**

- Người khởi kiện, người yêu cầu phải ghi đầy đủ họ, tên, địa chỉ, quốc tịch của đương sự ở nước ngoài trong đơn khởi kiện, đơn yêu cầu kèm theo giấy tờ, tài liệu xác thực họ, tên, địa chỉ, quốc tịch của đương sự đó.

Trường hợp không ghi đầy đủ họ, tên, địa chỉ, quốc tịch của đương sự ở nước ngoài hoặc thiếu những nội dung trên thì phải bổ sung trong thời hạn do Tòa án ấn định, hết thời hạn đó mà không cung cấp được thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu.

- Trường hợp không xác định được địa chỉ của đương sự ở nước ngoài thì người khởi kiện, người yêu cầu có thể yêu cầu Tòa án Việt Nam đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác định địa chỉ của đương sự hoặc có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú hoặc yêu cầu Tòa án Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tuyên bố đương sự mất tích hoặc đã chết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

---

[17] *Điểm đ, Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*
[18] *Điều 473 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trả lời cho Tòa án Việt Nam không xác định được địa chỉ của đương sự ở nước ngoài hoặc sau 06 tháng mà không có trả lời thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu.

Thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự công nhận giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho Tòa án Việt Nam[19]

+ Tòa án Việt Nam công nhận giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài lập, cấp, xác nhận trong các trường hợp sau:

- Giấy tờ, tài liệu và bản dịch tiếng Việt có công chứng, chứng thực đã được hợp pháp hóa lãnh sự;

- Giấy tờ, tài liệu đó được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

+ Tòa án Việt Nam công nhận giấy tờ, tài liệu do cá nhân cư trú ở nước ngoài lập trong các trường hợp sau đây:

- Giấy tờ, tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt có công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Giấy tờ, tài liệu được lập ở nước ngoài được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật nước ngoài và đã được hợp pháp hóa lãnh sự;

- Giấy tờ, tài liệu do công dân Việt Nam ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt có chữ ký của người lập giấy tờ, tài liệu đó và đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

*** Thủ tục giám định tài liệu, chữ ký**[20]

Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định hoặc tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định nhưng Tòa án từ chối yêu cầu của đương sự. Quyền tự yêu cầu giám định được thực hiện trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự.

Hồ sơ yêu cầu giám định:

- Người yêu cầu giám định phải gửi văn bản yêu cầu giám định kèm theo đối tượng giám định, các tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) và bản sao giấy tờ chứng minh mình là đương sự trong vụ án tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc người đại diện hợp pháp của họ đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

- Văn bản yêu cầu giám định tư pháp phải có các nội dung sau đây:

+ Tên tổ chức hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;

+ Nội dung yêu cầu giám định;

+ Tên và đặc điểm của đối tượng giám định;

+ Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

+ Ngày, tháng, năm yêu cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định;

+ Chữ ký, họ, tên người yêu cầu giám định.

---

[19] *Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*

[20] *Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Hiện nay, pháp luật không quy định cụ thể chi phí giám định tư pháp là bao nhiêu mà theo khoản 20 Điều 1 Luật Giám định tư pháp sửa đổi năm 2020, người yêu cầu hoặc trưng cầu giám định phải trả phí giám định cho cá nhân, tổ chức thực hiện.

6. Thời hạn chuẩn bị xét xử

Thời hạn chuẩn bị xét xử các loại vụ án, trừ các vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn hoặc vụ án có yếu tố nước ngoài, được quy định như sau:

a) Đối với các vụ án tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự thì thời hạn là 04 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án;

b) Đối với các vụ án tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh được xác định là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì thời hạn là 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 02 tháng đối với vụ án thuộc trường hợp a) nêu trên và không quá 01 tháng đối với vụ án thuộc trường hợp b) nêu trên.

Trường hợp có quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử được tính lại kể từ ngày quyết định tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đối với vụ án có yếu tố nước ngoài thì thời hạn mở phiên tòa, phiên họp hòa giải được xác định như sau[21]:

- Phiên họp hòa giải phải được mở sớm nhất là 06 tháng và chậm nhất là 08 tháng, kể từ ngày ra văn bản thông báo thụ lý vụ án. Ngày mở lại phiên họp hòa giải (nếu có) được ấn định cách ngày mở phiên họp hòa giải chậm nhất là 01 tháng;

- Phiên tòa phải được mở sớm nhất là 09 tháng và chậm nhất là 12 tháng, kể từ ngày ra văn bản thông báo thụ lý vụ án. Ngày mở lại phiên tòa (nếu có) được ấn định cách ngày mở phiên tòa chậm nhất là 01 tháng, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, trên thực tế thông thường thời gian chuẩn bị xét xử có thể bị kéo dài do phát sinh những thủ tục tố tụng khác hoặc do các yếu tố khách quan thực tế khi giải quyết vụ án.

7. Trình tự tổ chức phiên tòa sơ thẩm

Phần 1: Chuẩn bị khai mạc phiên tòa[22]

Trước khi khai mạc phiên tòa, Thư ký phiên tòa phải tiến hành các công việc sau đây:

- Phổ biến nội quy phiên tòa.

- Kiểm tra, xác định sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do.

[21] *Khoản 2 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*
[22] *Điều 237 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn 1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An. Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

- Ổn định trật tự trong phòng xử án.

- Yêu cầu mọi người trong phòng xử án đứng dậy khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án.

Lưu ý khi đi tới Tòa cần mang theo:

- Căn cước công dân;

- Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo của Tòa án đúng ngày giờ;

- Các hồ sơ cần thiết trong vụ án.

Phần 2: Khai mạc phiên tòa[23]

Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thư ký phiên tòa báo cáo Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt.

- Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và kiểm tra căn cước của đương sự, người tham gia tố tụng khác.

- Chủ tọa phiên tòa phổ biến quyền, nghĩa vụ của đương sự và của người tham gia tố tụng khác.

- Chủ toạ phiên tòa giới thiệu họ, tên những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi những người có quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch xem họ có yêu cầu thay đổi ai không.

- Yêu cầu người làm chứng cam kết khai báo đúng sự thật, nếu khai không đúng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trừ trường hợp người làm chứng là người chưa thành niên.

- Yêu cầu người giám định, người phiên dịch cam kết cung cấp kết quả giám định chính xác, phiên dịch đúng nội dung cần phiên dịch.

Lưu ý: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, đương sự hoặc người đại diện của họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phải có mặt tại phiên tòa; nếu có người vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án phải thông báo cho đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về việc hoãn phiên tòa[24].

- Hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu.

+ Hỏi nguyên đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không.

+ Hỏi bị đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố hay không.

---

[23] *Điều 239 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025*

[24] *khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025*

+ Hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu độc lập hay không.

Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu

- Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu.

- Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không; trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

<u>Phần 3:</u> Tranh tụng tại phiên tòa

[1]. Trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

Trường hợp có đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì các đương sự trình bày theo trình tự sau đây:

a) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến.

Trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện vụ án thì đại diện cơ quan, tổ chức trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp;

b) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp. Bị đơn có quyền bổ sung ý kiến;

c) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu, đề nghị của nguyên đơn, bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến.

2. Trường hợp nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình thì họ tự trình bày về yêu cầu, đề nghị của mình và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp.

3. Tại phiên tòa, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chỉ có quyền bổ sung chứng cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị của mình.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsunghеanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

[2]. Thứ tự và nguyên tắc hỏi tại phiên tòa[25]

Sau khi nghe xong lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định tại Điều 248 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, theo sự điều hành của chủ tọa phiên tòa, thứ tự hỏi của từng người được thực hiện như sau:

Thứ nhất, Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn hỏi trước, tiếp đến bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, sau đó là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Thứ hai, Những người tham gia tố tụng khác;

Thứ ba, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân;

Thứ tư, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Việc đặt câu hỏi phải rõ ràng, nghiêm túc, không trùng lắp, không lợi dụng việc hỏi và trả lời để xâm phạm danh dự, nhân phẩm của những người tham gia tố tụng.

Hỏi nguyên đơn[26]

Trường hợp có nhiều nguyên đơn thì phải hỏi riêng từng nguyên đơn.

Chỉ hỏi nguyên đơn về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này.

Nguyên đơn có thể tự mình trả lời hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trả lời thay cho nguyên đơn và sau đó nguyên đơn trả lời bổ sung.

Hỏi bị đơn[27]

Trường hợp có nhiều bị đơn thì phải hỏi riêng từng bị đơn.

Chỉ hỏi bị đơn về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, bị đơn trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với yêu cầu, lời trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này.

Bị đơn có thể tự mình trả lời hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trả lời thay cho bị đơn và sau đó bị đơn trả lời bổ sung.

Hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan[28]

Trường hợp có nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì phải hỏi riêng từng người một.

Chỉ hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về những vấn đề mà họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu

[25] *Điều 249 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[26] *Điều 250 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[27] *Điều 251 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[28] *Điều 252 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*

thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với yêu cầu, đề nghị, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể tự mình trả lời hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trả lời thay cho họ và sau đó họ trả lời bổ sung.

Hỏi người làm chứng, Hỏi người giám định[29]

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa

Khi nhận thấy các tình tiết của vụ án đã được xem xét đầy đủ thì chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và những người tham gia tố tụng khác xem họ có yêu cầu hỏi vấn đề gì nữa không; trường hợp có người yêu cầu và xét thấy yêu cầu đó là có căn cứ thì chủ tọa phiên tòa quyết định tiếp tục việc hỏi.

Tranh luận

Trình tự phát biểu khi tranh luận [30]

Sau khi kết thúc việc hỏi, Hội đồng xét xử chuyển sang phần tranh luận tại phiên tòa. Trình tự phát biểu khi tranh luận được thực hiện như sau:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến. Trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện thì đại diện cơ quan, tổ chức trình bày ý kiến. Người có quyền và lợi ích hợp pháp được bảo vệ có quyền bổ sung ý kiến;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận, đối đáp. Bị đơn có quyền bổ sung ý kiến;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến;
- Các đương sự đối đáp theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa;
- Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng xét xử có thể yêu cầu các đương sự tranh luận bổ sung về những vấn đề cụ thể để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trường hợp nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì họ tự mình trình bày khi tranh luận.

Trường hợp vắng mặt một trong các đương sự và người tham gia tố tụng khác thì chủ tọa phiên tòa phải công bố lời khai của họ để trên cơ sở đó các đương sự có mặt tại phiên tòa tranh luận và đối đáp.

Phát biểu khi tranh luận và đối đáp[31]

Khi phát biểu về đánh giá chứng cứ, đề xuất quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, người tham gia tranh luận phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa cũng như kết quả việc hỏi tại phiên tòa. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác.

---

[29] *Điều 253, 257 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*
[30] *Điều 260 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[31] *Điều 261 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Phát biểu của Kiểm sát viên[32]

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên phải gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án.

Trở lại việc hỏi và tranh luận[33]

Qua tranh luận, nếu xét thấy có tình tiết của vụ án chưa được xem xét, việc xem xét chưa được đầy đủ hoặc cần xem xét thêm chứng cứ thì Hội đồng xét xử quyết định trở lại việc hỏi và tranh luận.

Tạm ngưng phiên tòa (trường hợp nào, thời gian tạm ngưng, …)[34]

Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có quyền quyết định tạm ngừng phiên tòa khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Do tình trạng sức khỏe hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan khác mà người tiến hành tố tụng không thể tiếp tục tiến hành phiên tòa, trừ trường hợp thay thế được người tiến hành tố tụng;
- Do tình trạng sức khỏe hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan khác mà người tham gia tố tụng không thể tiếp tục tham gia phiên tòa, trừ trường hợp người tham gia tố tụng có yêu cầu xét xử vắng mặt;
- Cần phải xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa;
- Chờ kết quả giám định bổ sung, giám định lại;
- Các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để họ tự hòa giải;
- Cần phải báo cáo Chánh án Tòa án để đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 221 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tạm ngừng phiên tòa phải được ghi vào biên bản phiên tòa. Thời hạn tạm ngừng phiên tòa là không quá 01 tháng, kể từ ngày Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Hết thời hạn này, nếu lý do để ngừng phiên tòa không còn thì Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa; nếu lý do để ngừng phiên tòa chưa được khắc phục thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Hội đồng xét xử phải thông báo bằng văn bản cho những người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát cùng cấp về thời gian tiếp tục phiên tòa.

<u>Phần 4:</u> Nghị án và tuyên án

Nghị án

[32] *Điều 262 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[33] *Điều 263 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[34] *Điều 259 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*

Sau khi kết thúc phần tranh luận, Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.

Chỉ có các thành viên Hội đồng xét xử mới có quyền nghị án. Khi nghị án, các thành viên Hội đồng xét xử phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì còn phải căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng, để giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề. Hội thẩm nhân dân biểu quyết trước, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa biểu quyết sau cùng. Người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được đưa vào hồ sơ vụ án.

Khi nghị án phải có biên bản ghi lại các ý kiến đã thảo luận và quyết định của Hội đồng xét xử. Biên bản nghị án phải được các thành viên Hội đồng xét xử ký tên tại phòng nghị án trước khi tuyên án.

Trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, việc nghị án đòi hỏi phải có thời gian dài thì Hội đồng xét xử có thể quyết định thời gian nghị án nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử phải thông báo cho những người có mặt tại phiên tòa và người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa về giờ, ngày và địa điểm tuyên án. Trường hợp Hội đồng xét xử đã thực hiện việc thông báo mà có người tham gia tố tụng vắng mặt vào ngày, giờ và địa điểm tuyên án thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc tuyên án theo quy định tại Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tuyên án[35]

Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án với sự có mặt của các đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức và cá nhân khởi kiện. Trường hợp đương sự có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án hoặc vắng mặt trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 264 của Bộ luật này thì Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án.

Khi tuyên án, mọi người trong phòng xử án phải đứng dậy, trừ trường hợp đặc biệt được sự đồng ý của chủ tọa phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án và có thể giải thích thêm về việc thi hành bản án và quyền kháng cáo.

Trường hợp Tòa án xét xử kín theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Hội đồng xét xử chỉ tuyên công khai phần mở đầu và phần quyết định của bản án.

Trường hợp đương sự cần có người phiên dịch thì người phiên dịch phải dịch lại cho họ nghe toàn bộ bản án hoặc phần mở đầu và phần quyết định của bản án được tuyên công khai.

Bản án sơ thẩm[36]

[35] *Điều 267 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[36] *Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn 1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An. Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Tòa án ra bản án nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bản án gồm có phần mở đầu, phần nội dung vụ án và nhận định và phần quyết định của Tòa án, cụ thể như sau:

- Trong phần mở đầu phải ghi rõ tên Tòa án xét xử sơ thẩm; số và ngày thụ lý vụ án; số bản án và ngày tuyên án; họ, tên của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Kiểm sát viên, người giám định, người phiên dịch; tên, địa chỉ của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện; người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; đối tượng tranh chấp; số, ngày, tháng, năm của quyết định đưa vụ án ra xét xử; xét xử công khai hoặc xét xử kín; thời gian và địa điểm xét xử;

- Trong phần nội dung vụ án và nhận định của Tòa án phải ghi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về các tình tiết của vụ án, những căn cứ pháp luật, nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì còn phải căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng, để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và giải quyết các vấn đề khác có liên quan;

- Trong phần quyết định phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.

Khi xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy và ghi rõ trong bản án.

Cấp trích lục bản án; giao, gửi bản án[37]

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên tòa, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện được Tòa án cấp trích lục bản án.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tuyên án, Tòa án phải giao hoặc gửi bản án cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp.

Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng do tổ chức xã hội tham gia bảo vệ người tiêu dùng khởi kiện phải được niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án và công bố công khai trên một trong các báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương trong ba số liên tiếp.

[37] *Khoản 2 Điều 269 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsunghеanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án có liên quan đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước phải được Tòa án cấp sơ thẩm gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bồi thường nhà nước.

Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án có liên quan đến việc thay đổi hộ tịch của cá nhân phải được Tòa án cấp sơ thẩm thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục bản án cho Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký hộ tịch của cá nhân đó theo quy định của Luật hộ tịch.

Thời hạn niêm yết, công bố, gửi bản án, thông báo quy định tại khoản này là 05 ngày làm việc, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), trừ bản án, quyết định của Tòa án có chứa thông tin quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quyền kháng cáo bản án sơ thẩm[38]

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm[39]

- Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm.

- Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

- Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận. Người có nghĩa vụ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận.

- Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa thì phải chịu 50% mức án phí, kể cả đối với các vụ án không có giá ngạch.

---

[38] *Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[39] *Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

- Trường hợp các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp xét xử vụ án đó. Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa xét xử theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 3 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự phải chịu 50% án phí giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

- Trong vụ án có người không phải chịu án phí hoặc được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm thì những người khác vẫn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

- Trường hợp vụ án bị tạm đình chỉ giải quyết thì nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết theo quy định.

- Nguyên đơn trong vụ án dân sự do cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền, lợi ích của người khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

II. TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT THEO THỦ TỤC XÉT XỬ PHÚC THẨM

1. Điều kiện phát sinh thủ tục xét xử phúc thẩm

Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp phúc thẩm trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

2. Người có quyền kháng cáo và lưu ý về đơn kháng cáo, nộp đơn kháng cáo, tạm ứng án phí phúc thẩm

Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Lưu ý:

Đối với đơn khơn kháng cáo: (Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 03 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)

Đơn kháng cáo phải có các nội dung chính sau đây:

- Ngày, tháng, năm làm đơn kháng cáo;
- Tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người kháng cáo;
- Kháng cáo toàn bộ hoặc phần của bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật;
- Lý do của việc kháng cáo và yêu cầu của người kháng cáo;
- Chữ ký hoặc điểm chỉ của người kháng cáo.

  Đơn kháng cáo phải được gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm đã ra bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo. Trường hợp đơn kháng cáo được gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm thì Tòa án đó phải chuyển cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của Bộ luật này.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsunghеanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Kèm theo đơn kháng cáo, người kháng cáo phải gửi tài liệu, chứng cứ bổ sung (nếu có) để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Nộp đơn kháng cáo:

- Người kháng cáo nếu không tự mình kháng cáo thì có thể ủy quyền cho người khác đại diện cho mình kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo, của người kháng cáo ủy quyền kháng cáo; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người kháng cáo ủy quyền kháng cáo và văn bản ủy quyền. Ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền phải ký tên hoặc điểm chỉ.

- Người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của đương sự là cơ quan, tổ chức; họ, tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức. Ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo pháp luật phải ký tên và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó, trường hợp doanh nghiệp kháng cáo thì việc sử dụng con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp.

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức ủy quyền cho người khác kháng cáo thì tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền, của đương sự là cơ quan, tổ chức ủy quyền; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của đương sự là cơ quan, tổ chức ủy quyền; họ, tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức đó và văn bản ủy quyền. Ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền phải ký tên hoặc điểm chỉ.

Người đại diện theo pháp luật của đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật; họ, tên, địa chỉ của đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự. Ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo pháp luật phải ký tên hoặc điểm chỉ.

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật của đương sự ủy quyền cho người khác đại diện cho mình kháng cáo thì tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền; họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật của đương sự ủy quyền; họ, tên, địa chỉ của đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự. Ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền phải ký tên hoặc điểm chỉ.

- Việc ủy quyền phải được làm thành văn bản có công chứng, chứng thực hợp pháp, trừ trường hợp văn bản ủy quyền đó được lập tại Tòa án có sự chứng kiến của Thẩm phán hoặc người được Chánh án Tòa án phân công. Trong văn bản ủy quyền phải có nội dung đương sự ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Thời gian kháng cáo:

- Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

- Thời hạn kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là 07 ngày, kể từ ngày đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật này.

Đối với các đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt đương sự ở nước ngoài thuộc trường hợp Tòa án không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tống đạt cho đương sự ở nước ngoài thì thời hạn kháng cáo là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.[40]

Lưu ý: *Trường hợp đơn kháng cáo được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày kháng cáo được xác định căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì. Trường hợp người kháng cáo đang bị tạm giam thì ngày kháng cáo là ngày đơn kháng cáo được giám thị trại giam xác nhận.*

Tạm ứng án phí phúc thẩm

Sau khi chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo cho người kháng cáo biết để họ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nếu họ không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Hết thời hạn này mà người kháng cáo không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm thì được coi là từ bỏ việc kháng cáo, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

ÁN PHÍ, LỆ PHÍ TÒA ÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016)

STT	Tên án phí	Mức thu

[40] Khoản 2, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsunghеanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

2	**Án phí dân sự phúc thẩm**	
2.1	Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động	300.000 đồng
2.2	Đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại	2.000.000 đồng

Sau khi chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo ngay bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và đương sự có liên quan đến kháng cáo biết về việc kháng cáo kèm theo bản sao đơn kháng cáo, tài liệu, chứng cứ bổ sung mà người kháng cáo gửi kèm đơn kháng cáo.

3. Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm

- Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án, tùy từng trường hợp, Tòa án cấp phúc thẩm ra một trong các quyết định sau đây:

- Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án;
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án;
- Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án cấp phúc thẩm có thể quyết định kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không được quá 01 tháng.

- Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.

- Trường hợp có quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm được tính lại kể từ ngày quyết định tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Những vấn đề phát sinh rút đơn kháng cáo, thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo

Theo quy định tại khoản 1 Điều 284 BLTTDS năm 2015 có quy định về quyền thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo:

- Trường hợp chưa hết thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật này thì người đã kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo mà không bị giới hạn bởi phạm vi kháng cáo ban đầu.

- Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền rút kháng cáo.

Như vậy, theo quy định nêu trên, trong tố tụng dân sự thì người kháng cáo trong vụ án dân sự được quyền thay đổi, bổ sung khi đang còn thời hạn kháng cáo nghĩa trong vòng 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không tham gia phiên tòa. Còn đối với việc rút đơn kháng cáo, thì người kháng cáo được quyền rút đơn kháng cáo, dù tòa đã thụ lý đơn

kháng cáo, kể cả ngay tại phiên tòa xét xử vụ án phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà người kháng cáo đã rút kháng cáo, việc đình chỉ xét xử phúc thẩm trước khi mở phiên tòa do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định, tại phiên tòa do Hội đồng xét xử quyết định.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự phúc thẩm[41]

Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo thì đương sự kháng cáo liên quan đến phần bản án, quyết định phải sửa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm phải xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo để xét xử sơ thẩm lại thì đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đương sự rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm. Đương sự rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, về án phí dân sự sơ thẩm, nếu các đương sự tự thỏa thuận được với nhau thì các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì Tòa án xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa phúc thẩm hoặc tại phiên tòa phúc thẩm và được bị đơn đồng ý thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trình tự tổ chức phiên tòa phúc thẩm

Phần 1: Chuẩn bị khai mạc phiên tòa phúc thẩm và thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm

Tương tự phần Chuẩn bị khai mạc phiên tòa và Khai mạc phiên tòa ở phiên tòa Sơ thẩm.

Phần 2: Hỏi về việc kháng cáo, kháng nghị và xử lý việc thay đổi kháng cáo, kháng nghị tại phiên tòa

[41] *Điều 29 ghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Sau khi kết thúc thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm thì một thành viên của Hội đồng xét xử phúc thẩm công bố nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Chủ tọa phiên tòa hỏi về các vấn đề sau đây:

a) Hỏi nguyên đơn có rút đơn khởi kiện hay không;

b) Hỏi người kháng cáo, Kiểm sát viên có thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị hay không;

c) Hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không.

Trường hợp người kháng cáo rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị thì Tòa án chấp nhận việc rút kháng cáo, kháng nghị. Trường hợp người kháng cáo, Viện kiểm sát bổ sung nội dung mới vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu thì Tòa án không xem xét nội dung đó.

Nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm[42]

Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi bị đơn có đồng ý hay không và tuỳ từng trường hợp mà giải quyết như sau:

a) Bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn;

b) Bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Trong trường hợp này, các đương sự vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu một nửa án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Và nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Phần 3: Tranh tụng

[1]. Nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm

Tranh tụng tại phiên tòa bao gồm việc trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ, tình tiết của vụ án dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết yêu cầu của các đương sự trong vụ án.

Việc tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh tụng, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh tụng trình bày hết ý kiến nhưng có quyền yêu cầu họ dừng trình bày những ý kiến không có liên quan đến vụ án dân sự.

[2]. Trình bày của đương sự, Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm

Trường hợp có đương sự vẫn giữ kháng cáo thì việc trình bày tại phiên tòa phúc thẩm được tiến hành như sau:

---

[42] *Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Thứ nhất, Trình bày kháng cáo:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo. Người kháng cáo có quyền bổ sung ý kiến.

Trường hợp tất cả đương sự đều kháng cáo thì việc trình bày được thực hiện theo thứ tự người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo và nguyên đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn kháng cáo và bị đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Trường hợp đương sự không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình thì họ tự trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo và đề nghị của mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị. Đương sự có quyền bổ sung ý kiến.

[3]. Thủ tục hỏi và công bố tài liệu, chứng cứ, xem xét vật chứng tại phiên tòa phúc thẩm[43]

Thủ tục hỏi những người tham gia tố tụng và công bố tài liệu, chứng cứ, xem xét vật chứng quy định tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện như tại phiên tòa sơ thẩm.

Việc hỏi được thực hiện đối với những vấn đề thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm liên quan đến phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.

[4].Trình tự tranh luận đối với kháng cáo được thực hiện như sau

Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chỉ được tranh luận về những vấn đề thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm và đã được hỏi tại phiên tòa phúc thẩm.

Trình tự tranh luận đối với kháng cáo được thực hiện như sau:

a) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo trình bày. Người kháng cáo có quyền bổ sung ý kiến;

b) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tranh luận, đối đáp. Đương sự có quyền bổ sung ý kiến;

c) Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng xét xử có thể yêu cầu các đương sự tranh luận bổ sung về những vấn đề cụ thể để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trình tự tranh luận đối với kháng nghị được thực hiện như sau:

a) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phát biểu về tính hợp pháp, tính có căn cứ của kháng nghị. Đương sự có quyền bổ sung ý kiến;

b) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự đã nêu.

---

[43] *Điều 303 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Trường hợp đương sự không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì họ tự mình tranh luận.

Trường hợp vắng mặt một trong các đương sự và người tham gia tố tụng khác thì chủ tọa phiên tòa phải công bố lời khai của họ để trên cơ sở đó các đương sự có mặt tại phiên tòa tranh luận và đối đáp.

[5]. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm

Sau khi kết thúc việc tranh luận và đối đáp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm.

Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên phải gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án.

<u>Phần 4:</u> Nghị án và tuyên án

Việc nghị án, trở lại việc hỏi và tranh luận, thời gian nghị án, tuyên án, sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm được thực hiện như thủ tục xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền sau đây:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

2. Sửa bản án sơ thẩm;

3. Hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm;

4. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án;

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm;

6. Tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án khi có văn bản của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản trả lời Tòa án kết quả xử lý.

6. Bản án, quyết định phúc thẩm

Trong thời hạn **15 ngày**, kể từ ngày ra bản án, quyết định phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi bản án, quyết định phúc thẩm cho Tòa án đã xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM

Tính chất của giám đốc thẩm: Giám đốc thẩm là xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị giám đốc thẩm khi có căn cứ quy định tại Điều 326 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

**** Căn cứ, điều kiện để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm***

- Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi có một trong những căn cứ sau đây:

- Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho đương sự không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ không được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật;
- Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra bản án, quyết định không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

**** Thủ tục nhận đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm.***

Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định đó thì đương sự có quyền đề nghị bằng văn bản với người có thẩm quyền kháng nghị để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm phải có các nội dung chính sau đây:

- Ngày, tháng, năm làm đơn đề nghị;

- Tên, địa chỉ của người đề nghị;

- Tên bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật được đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm;

- Lý do đề nghị, yêu cầu của người đề nghị;

- Người đề nghị là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ; người đề nghị là cơ quan, tổ chức thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn; trường hợp tổ chức đề nghị là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.

(Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 04 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)

Tòa án, Viện kiểm sát nhận đơn đề nghị do đương sự nộp trực tiếp tại Tòa án, Viện kiểm sát hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính và phải ghi vào sổ nhận đơn, cấp giấy xác nhận đã nhận đơn cho đương sự.

Trường hợp đơn đề nghị không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì Tòa án, Viện kiểm sát yêu cầu người gửi đơn sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án, Viện kiểm sát; hết thời hạn này mà người gửi đơn

không sửa đổi, bổ sung thì Tòa án, Viện kiểm sát trả lại đơn đề nghị, nêu rõ lý do cho đương sự và ghi chú vào sổ nhận đơn.

***Thủ tục nhận đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm**

Tòa án, Viện kiểm sát nhận đơn đề nghị do đương sự nộp trực tiếp tại Tòa án, Viện kiểm sát hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính và phải ghi vào sổ nhận đơn, cấp giấy xác nhận đã nhận đơn cho đương sự. Ngày gửi đơn được tính từ ngày đương sự nộp đơn tại Tòa án, Viện kiểm sát hoặc ngày có dấu dịch vụ bưu chính nơi gửi.

Tòa án, Viện kiểm sát chỉ thụ lý đơn đề nghị khi có đủ các nội dung quy định của pháp luật. Trường hợp đơn đề nghị không có đủ điều kiện theo quy định thì Tòa án, Viện kiểm sát yêu cầu người gửi đơn sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án, Viện kiểm sát; hết thời hạn này mà người gửi đơn không sửa đổi, bổ sung thì Tòa án, Viện kiểm sát trả lại đơn đề nghị, nêu rõ lý do cho đương sự và ghi chú vào sổ nhận đơn.

Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm phân công người có trách nhiệm tiến hành nghiên cứu đơn, thông báo, kiến nghị, hồ sơ vụ án, báo cáo người có thẩm quyền kháng nghị xem xét, quyết định; trường hợp không kháng nghị thì thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản thông báo, kiến nghị.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phân công Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phân công Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao nghiên cứu đơn, thông báo, kiến nghị, hồ sơ vụ án, báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định kháng nghị. Trường hợp không kháng nghị thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tự mình hoặc ủy quyền cho Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản thông báo, kiến nghị.

**** Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm***

Theo quy định tại Điều 331 BLTTDS được sửa đổi bởi Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án 2025 quy định về thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm:

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelуat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân khu vực trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.

Như vậy, trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định đó thì đương sự có quyền đề nghị bằng văn bản với người có thẩm quyền kháng nghị để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Như vậy, bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc Toà án khác thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Đối với bản án quyết định có hiệu lực của các tòa án nhân dân khu vực trong phạm vi lãnh thổ tại tỉnh Nghệ An và của các tòa án nhân dân cấp quận, huyện tại tỉnh Nghệ An thì Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tên cơ quan	Địa chỉ	Số điện thoại
Tòa án nhân dân tối cao	48 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	024.62741133
Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Số 9 phố Phạm Văn Bạch - Cầu Giấy - Hà Nội	024.38255058
Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An	Số 206 - Đại Lô Lê Nin, Phường Nghi Phú, Tỉnh Nghệ An	0238 3844 794
Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An	Phạm Đình Toái, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	038. 3844173

**** Thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm***

Căn cứ, theo quy định tại Điều 334 BLTTDS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2015 thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm là:

- Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm có quyền kháng nghị trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị theo quy định nêu trên nhưng có các điều kiện sau đây thì thời hạn kháng nghị được kéo dài thêm 02 năm, kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị:

  - Đương sự đã có đơn đề nghị theo quy định và sau khi hết thời hạn kháng nghị quy định tại khoản 1 Điều này đương sự vẫn tiếp tục có đơn đề nghị;
  - Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật theo quy định, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, của người thứ ba, xâm phạm lợi ích của cộng đồng, lợi ích của Nhà nước

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn 1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An. Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

và phải kháng nghị để khắc phục sai lầm trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật đó.

**** Thẩm quyền giám đốc thẩm***

Căn cứ vào Điều 337 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bởi Khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án 2025 quy định:

(i) Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân khu vực trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị.

(ii) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng nghị như sau:

a) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm năm Thẩm phán đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm;

b) Toàn thể Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật quy định tại điểm a nhưng có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm năm Thẩm phán nhưng không đạt được sự thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án.

Trong đó, vụ án có tính chất phức tạp là những vụ án thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Quy định của pháp luật về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án chưa rõ ràng, chưa được hướng dẫn áp dụng thống nhất;

+ Việc đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật có nhiều ý kiến khác nhau;

+ Việc giải quyết vụ án liên quan đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền con người, quyền công dân được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc tổ chức xét xử giám đốc thẩm đối với trường hợp (i); Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định việc tổ chức xét xử giám đốc thẩm trong các trường hợp (ii).

Trường hợp những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật về cùng một vụ án dân sự cùng thuộc thẩm quyền giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền giám đốc thẩm toàn bộ vụ án.

**** Những người tham gia phiên tòa giám đốc thẩm***

- Phiên tòa giám đốc thẩm phải có sự tham gia của Viện kiểm sát cùng cấp.

- Trường hợp xét thấy cần thiết, Tòa án triệu tập đương sự hoặc người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc người tham gia tố tụng

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

khác có liên quan đến việc kháng nghị tham gia phiên tòa giám đốc thẩm; nếu họ vắng mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm vẫn tiến hành phiên tòa.

***Thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm**

Trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày nhận được kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án, Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải mở phiên tòa để xét xử vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

**** Chuẩn bị phiên tòa giám đốc thẩm***

Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán làm bản thuyết trình về vụ án tại phiên tòa. Bản thuyết trình tóm tắt nội dung vụ án và các bản án, quyết định của các cấp Tòa án, nội dung của kháng nghị. Bản thuyết trình phải được gửi cho các thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chậm nhất là 07 ngày trước ngày mở phiên tòa giám đốc thẩm.

**** Thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm***

Theo quy định tại Điều 341 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015 quy định về thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm như sau:

- Sau khi chủ tọa khai mạc phiên tòa, một thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quá trình xét xử vụ án, quyết định của bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị, các căn cứ, nhận định của kháng nghị và đề nghị của người kháng nghị. Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị thì đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung kháng nghị.

- Đương sự, người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác được Tòa án triệu tập đến phiên tòa giám đốc thẩm trình bày ý kiến về những vấn đề mà Hội đồng giám đốc thẩm yêu cầu. Trường hợp họ vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm công bố ý kiến của họ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quyết định kháng nghị và việc giải quyết vụ án.

Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phải gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án.

- Các thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phát biểu ý kiến và thảo luận. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm nghị án và biểu quyết về việc giải quyết vụ án và công bố nội dung quyết định về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa. Việc nghị án phải được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 264 của Bộ luật này.

- Trường hợp Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 337 của Bộ luật này thì quyết định của Hội đồng xét xử phải được tất cả thành viên tham gia Hội đồng biểu quyết tán thành.

Trường hợp xét xử theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 337 của Bộ luật này thì phiên tòa xét xử của toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham gia; quyết định của Ủy ban Thẩm phán phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsunghеanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

- Trường hợp Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 337 của Bộ luật này thì quyết định của Hội đồng xét xử phải được tất cả thành viên tham gia Hội đồng biểu quyết tán thành.

Trường hợp xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 337 của Bộ luật này thì phiên tòa xét xử của toàn thể Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham gia; quyết định của Hội đồng Thẩm phán phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT THEO THỦ TỤC TÁI THẨM

Tính chất của tái thẩm

Tái thẩm là xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án, các đương sự không biết được khi Tòa án ra bản án, quyết định đó.

**** Căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm***

Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi có một trong những căn cứ sau đây:

- Mới phát hiện được tình tiết quan trọng của vụ án mà đương sự đã không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ án;
- Có cơ sở chứng minh kết luận của người giám định, lời dịch của người phiên dịch không đúng sự thật hoặc có giả mạo chứng cứ;
- Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án hoặc cố ý kết luận trái pháp luật;
- Bản án, quyết định hình sự, hành chính, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước mà Tòa án căn cứ vào đó để giải quyết vụ án đã bị hủy bỏ.

**** Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm***

Căn cứ Điều 354 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bởi Khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án 2025, quy định:

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân khu vực trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

Người đã kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có quyền quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đó cho đến khi có quyết định tái thẩm.

(Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 05 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)

**** Thời hạn kháng nghị theo thủ tục tái thẩm***

Thời hạn kháng nghị theo thủ tục tái thẩm là 01 năm, kể từ ngày người có thẩm quyền kháng nghị biết được căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm quy định.

**** Thẩm quyền của Hội đồng xét xử tái thẩm***

Hội đồng xét xử tái thẩm có thẩm quyền sau đây:

- Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.
- Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục do Bộ luật này quy định.
- Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án.

V. TRÌNH TỰ THỦ TỤC THỰC HIỆN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

<u>Bước 1</u>: ***Gửi đơn yêu cầu thi hành án***

[1]. Tiếp nhận, từ chối yêu cầu thi hành án[44]

Theo Điều 26, Điều 31 Luật Thi hành án dân sự (THADS), đương sự có quyền yêu cầu cơ quan THADS có thẩm quyền tổ chức thi hành án.

Từ ngày 01/7/2025, đương sự có thể gửi yêu cầu thi hành án tại cơ quan THADS tỉnh, thành phố hoặc bất kỳ Phòng THADS khu vực nào trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố nơi Tòa án đã xét xử sơ thẩm. Cơ quan THADS tỉnh, thành phố và các Phòng THADS khu vực bố trí bộ phận tiếp nhận yêu cầu thi hành án.[45]

- Đương sự tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án bằng hình thức trực tiếp nộp đơn hoặc trình bày bằng lời nói hoặc gửi đơn qua bưu điện. Người yêu cầu phải nộp bản án, quyết định, tài liệu khác có liên quan. Ngày yêu cầu thi hành án được tính từ ngày người yêu cầu nộp đơn hoặc trình bày trực tiếp hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.
- Đơn yêu cầu phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của người yêu cầu;

b) Tên cơ quan thi hành án dân sự nơi yêu cầu;

c) Tên, địa chỉ của người được thi hành án; người phải thi hành án;

d) Nội dung yêu cầu thi hành án;

[44] Điều 31 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 13 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015

[45] Khoản 3 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công tác thi hành án dân sự khi sắp xếp bộ máy hệ thống thi hành án dân sự kèm theo Công căn số 3769/BTP-TCTHADS ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn 1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An. Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

đ) Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, nếu có;

e) Ngày, tháng, năm làm đơn;

g) Chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm đơn; trường hợp là pháp nhân thì phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của pháp nhân, nếu có.

(Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 06 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)

- Trường hợp người yêu cầu trực tiếp trình bày bằng lời nói thì cơ quan thi hành án dân sự phải lập biên bản có các nội dung như đơn yêu cầu theo quy định, có chữ ký của người lập biên bản; biên bản này có giá trị như đơn yêu cầu.
- Khi tiếp nhận yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải kiểm tra nội dung yêu cầu và các tài liệu kèm theo, vào sổ nhận yêu cầu thi hành án và thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu.
- Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án trong các trường hợp sau đây:

a) Người yêu cầu không có quyền yêu cầu thi hành án hoặc nội dung yêu cầu không liên quan đến nội dung của bản án, quyết định; bản án, quyết định không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định;

b) Cơ quan thi hành án dân sự được yêu cầu không có thẩm quyền thi hành án;

c) Hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

[2]. Thẩm quyền thi hành án[46]

Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có thẩm quyền thi hành các bản án, quyết định sau đây:

- Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực; bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

- Bản án, quyết định của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

- Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân tối cao đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

- Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân tối cao đối với bản án, quyết định của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao nơi Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã xét xử sơ thẩm có trụ sở;

- Quyết định của Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh;

[46] Điều 35 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bởi Điểm a Khoản 9 Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân sửa đổi 2025

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelуat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

- Bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài được Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;

- Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại;

- Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh;

- Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự nơi khác ủy thác;

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng bồi thường thiệt hại của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

- Bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật.

CƠ QUAN THI HÀNH ÁN CẤP TỈNH TẠI TỈNH NGHỆ AN

Tên cơ quan thi hành án	Địa chỉ	Số điện thoại
Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An	Số 63, đường Lý Tự Trọng, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	0238.3522551

Cơ quan THADS tỉnh, thành phố phân công các Phòng THADS khu vực tổ chức thi hành các vụ việc sau:[47]

- Các vụ việc đang do các Chi cục THADS trong khu vực trước khi sắp xếp tổ chức thi hành.

- Các bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực; bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân tại khu vực đó.

- Các trường hợp khác do Thủ trưởng cơ quan THADS tỉnh, thành phố quyết định.

STT	Tên cơ quan thi hành án	Phạm vi tổ chức thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính theo đơn vị hành chính cấp xã	Địa chỉ trụ sở	Số điện thoại

[47] Khoản 1 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công tác thi hành án dân sự khi sắp xếp bộ máy hệ thống thi hành án dân sự kèm theo Công căn số 3769/BTP-TCTHADS ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp.

1	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Nghệ An	Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò.	Đường Chu Huy Mân, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	0904783777
2	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Nghệ An	Hưng Nguyên, Yên Trung, Hưng Nguyên Nam, Lam Thành, Nghi Lộc, Phúc Lộc, Đông Lộc, Trung Lộc, Thần Lĩnh, Hải Lộc, Văn Kiều.	Xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	0916 342 688
3	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Nghệ An	Diễn Châu, Đức Châu, Quảng Châu, Hải Châu, Tân Châu, An Châu, Minh Châu, Hùng Châu.	Xóm 7, xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	0949724789
4	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Nghệ An	Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai, Quỳnh Lưu, Quỳnh Văn, Quỳnh Anh, Quỳnh Tam, Quỳnh Phú, Quỳnh Sơn, Quỳnh Thắng.	phường Tân mai, tỉnh nghệ an	0912363636
5	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Nghệ An	Vạn An, Nam Đàn, Đại Huệ, Thiên Nhẫn, Kim Liên, Cát Ngạn, Tam Đồng, Hạnh Lâm, Sơn Lâm, Hoa Quân, Kim Bảng, Bích Hào, Đại Đồng, Xuân Lâm.	xã Vạn An, tỉnh Nghệ An	02383822171
6	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Nghệ An	Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Vân Du, Quang Đồng, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành.	xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An	0978310497

7	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Nghệ An	Đô Lương, Bạch Ngọc, Văn Hiến, Bạch Hà, Thuần Trung, Lương Sơn, Tân Kỳ, Tân Phú, Tân An, Nghĩa Đồng, Giai Xuân, Nghĩa Hành, Tiên Đồng.	01 đường Đặng Quang Cầm, xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An	02383871401
8	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Nghệ An	Nghĩa Đàn, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lâm, Nghĩa Mai, Nghĩa Hưng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Lộc, Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu.	xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	02383881880
9	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Nghệ An	Anh Sơn, Yên Xuân, Nhân Hòa, Anh Sơn Đông, Vĩnh Tường, Thành Bình Thọ, Con Cuông, Môn Sơn, Mậu Thạch, Cam Phục, Châu Khê, Bình Chuẩn.	xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	02383872183
10	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Nghệ An	Quế Phong, Tiền Phong, Tri Lễ, Mường Quàng, Thông Thụ, Quỳ Châu, Châu Tiến, Hùng Chân, Châu Bình, Quỳ Hợp, Tam Hợp, Châu Lộc, Châu Hồng, Mường Ham, Mường Chọng, Minh Hợp.	xã Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An	0915038911
11	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Nghệ An	Tam Quang, Tam Thái, Tương Dương, Lượng Minh, Yên Na, Yên Hòa, Nga My, Hữu Khuông, Nhôn Mai.	xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An	0982760770

12	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Nghệ An	Mường Xén, Hữu Kiệm, Nậm Cắn, Chiêu Lưu, Na Loi, Mường Típ, Na Ngoi, Mỹ Lý, Bắc Lý, Keng Đu, Huồi Tụ, Mường Lống.	số nhà 04,khối 1, xã Mường xén, Nghệ An	02383875183

[3] Người yêu cầu thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án quy định[48].

Người có quyền yêu cầu thi hành án dân sự là người được thi hành án và người phải thi hành án. Trong đó:

- Người được thi hành án là đương sự trong vụ án dân sự bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức được hưởng quyền, lợi ích trong bản án, quyết định được thi hành.

- Người phải thi hành án là đương sự trong vụ án dân sự bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành.

<u>Bước 2:</u> Nhận quyết định thi hành án theo yêu cầu

[1]. Thông báo thi hành án

Việc thông báo về thi hành án theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 của Luật Thi hành án dân sự được thực hiện lần đầu. Trường hợp người được thông báo đồng ý thì từ lần thông báo thứ hai trở đi, cơ quan thi hành án dân sự có thể thực hiện thông báo qua VNeID hoặc Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp. Nếu người được thông báo không đồng ý về hình thức thông báo từ lần thứ hai trở đi thì cơ quan thi hành án dân sự thực hiện thông báo theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Việc thông báo trực tiếp cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện như sau:

a) Do Chấp hành viên, công chức làm công tác thi hành án giao văn bản cần thông báo cho người được thông báo;

b) Do bưu tá; người được cơ quan thi hành án ủy quyền; tổ trưởng tổ dân phố; trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc; Ủy ban nhân dân, công an cấp xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an có thẩm quyền nơi người được thông báo có địa chỉ, cư trú, công tác, chấp hành hình phạt tù giao văn bản cần thông báo cho người được thông báo.

[2]. Thời gian thi hành án tự nguyện

Thời hạn tự nguyện thi hành án là **10 ngày**, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án.

[48] Điều 7 Luật Thi hành án dân sự 2008 sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014 và Điều 7a Luật Thi hành án dân sự 2008 bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014

Trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc hành vi khác nhằm trốn tránh việc thi hành án thì Chấp hành viên áp dụng ngay biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Cưỡng chế thi hành án

Hết thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế.

Không tổ chức cưỡng chế thi hành án trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định.

Các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự:

Các biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi 2014) bao gồm:

- Phong toả tài khoản;
- Tạm giữ tài sản, giấy tờ;
- Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản.

Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự:

Biện pháp cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 71 Luật Thi hành án dân sự 2008, bao gồm:

- Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.
- Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án.
- Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ.
- Khai thác tài sản của người phải thi hành án.
- Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ.
- Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.

Bước 3: Xác minh điều kiện thi hành án

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải tiến hành xác minh ngay. Người phải thi hành án phải kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án với cơ quan thi hành án dân sự và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình.

Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất 06 tháng một lần, Chấp hành viên phải xác minh điều kiện thi hành án; trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án thì thời hạn xác minh ít nhất 01 năm một lần. Sau hai

lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh. Việc xác minh lại được tiến hành khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.

Cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, cư trú, làm việc hoặc có trụ sở để xác minh điều kiện thi hành án.

Người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự. Trường hợp Chấp hành viên thấy cần thiết hoặc kết quả xác minh của Chấp hành viên và người được thi hành án khác nhau hoặc có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thì phải xác minh lại. Việc xác minh lại được tiến hành trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh do đương sự cung cấp hoặc nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân.

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xác minh điều kiện thi hành án:

- Cơ quan, tổ chức, công chức tư pháp - hộ tịch, địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường, cán bộ, công chức cấp xã khác và cá nhân có liên quan thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên và phải chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin đã cung cấp;

- Bảo hiểm xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; ký vào biên bản trong trường hợp Chấp hành viên xác minh trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên, đối với thông tin về tài khoản thì phải cung cấp ngay;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin khi người được thi hành án hoặc người đại diện theo ủy quyền của người được thi hành án có yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trường hợp người được thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai sự thật về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, thanh toán các chi phí phát sinh, trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

<u>Bước 4:</u> Kết thúc thi hành án[49]

[49] Điều 52 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bởi Khoản 23 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelуat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Việc thi hành án đương nhiên kết thúc trong trường hợp sau đây:

1. Có xác nhận của cơ quan thi hành án dân sự về việc đương sự đã thực hiện xong quyền, nghĩa vụ của mình;

2. Có quyết định đình chỉ thi hành án

Phí thi hành án dân sự[50]:

Người được thi hành án phải nộp phí thi hành án dân sự như sau:

Số tiền, giá trị tài sản thực nhận	Mức phí thi hành án dân sự
Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên hai lần mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Nhà nước quy định đến 5.000.000.000 đồng.	3% số tiền, giá trị tài sản thực nhận.
Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 5.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng.	150.000.000 đồng cộng với 2% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 5.000.000.000 đồng
Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 7.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng.	190.000.000 đồng cộng với 1% số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 7.000.000.000 đồng.
Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 10.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng.	220.000.000 đồng cộng 0,5% số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 10.000.000.000 đồng.
Số tiền, giá trị tài sản thực nhận trên 15.000.000.000 đồng.	245.000.000 đồng cộng với 0,01% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 15.000.000.000 đồng.

(Khoản 1 Điều 4 Thông tư 216/2016/TT-BTC)

* Mức phí thi hành án dân sự trong một số trường hợp đặc biệt

- ***Trường hợp 1:*** Đối với trường hợp nhiều người được nhận một tài sản cụ thể hoặc nhận chung một khoản tiền theo bản án, quyết định nhưng chỉ có một hoặc một số người có yêu cầu thi hành án mà Chấp hành viên đã tổ chức giao tài sản, khoản tiền đó cho người đã yêu cầu hoặc người đại diện của người đã có yêu cầu để quản lý thì người yêu cầu hoặc

[50] *Điều 4 Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự*

người đại diện đó phải nộp phí thi hành án dân sự tính trên toàn bộ giá trị tiền, tài sản thực nhận theo mức phí tại bảng phí nêu trên.

- ***Trường hợp 2:*** Đối với trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án nhưng chưa ra quyết định cưỡng chế thi hành án hoặc đã ra quyết định cưỡng chế thi hành án nhưng chưa thực hiện việc cưỡng chế thi hành án mà đương sự tự giao, nhận tiền, tài sản cho nhau thì người được thi hành án phải nộp 1/3 mức phí thi hành án dân sự tại bảng phí nêu trên tính trên số tiền, tài sản thực nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 6 Thông tư 216/2016/TT-BTC.

- ***Trường hợp 3:*** Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã thu được tiền hoặc đã thực hiện việc cưỡng chế thi hành án thì người được thi hành án phải nộp 100% mức phí thi hành án dân sự theo bảng phí nêu trên tính trên số tiền, tài sản thực nhận.

(Khoản 3, 4, 5 Điều 4 Thông tư 216/2016/TT-BTC)

VI. THAM KHẢO BẢN ÁN THỰC TẾ

1. Tổng hợp 15 bản án tranh chấp về hợp đồng hợp tác, góp vốn có yêu cầu phản tố
https://fdvn.vn/tong-hop-15-ban-an-tranh-chap-ve-hop-dong-hop-tac-gop-von-co-yeu-cau-phan-to/

2. Tổng hợp 20 bản án tranh chấp về hợp đồng góp vốn, hợp tác

https://fdvn.vn/tong-hop-20-ban-an-tranh-chap-ve-hop-dong-gop-von-hop-tac/

3. Ấn phẩm phân tích và tổng hợp: Nhận diện tranh chấp hợp đồng và những vấn đề quan trọng khi rà soát, soạn thảo Hợp đồng hợp tác kinh doanh

https://fdvn.vn/an-pham-phan-tich-va-tong-hop-nhan-dien-tranh-chap-hop-dong-va-nhung-van-de-quan-trong-khi-ra-soat-soan-thao-hop-dong-hop-tac-kinh-doanh/

4. Hủy án vì không đưa Ngân hàng là bên nhận thế chấp tham gia tố tụng vụ án tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh (có tài sản hợp tác đang thế chấp)
https://fdvn.vn/nghien-cuu-luat-moi-ngay-huy-an-vi-khong-dua-ngan-hang-la-ben-nhan-the-chap-tham-gia-to-tung-vu-an-tranh-chap-hop-dong-hop-tac-kinh-doanh-co-tai-san-hop-tac-dang-the-chap/

5. Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh được tòa án giải quyết như thế nào?
https://fdvn.vn/thuc-tien-xet-xu-tranh-chap-hop-dong-hop-tac-kinh-doanh-duoc-toa-an-giai-quyet-nhu-the-nao/

VII. MẪU ĐƠN KÈM THEO

MẪU SỐ 01: MẪU ĐƠN KHỞI KIỆN TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VỤ TRANH CHẤP TRỌNG TÀI

TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI MIỀN TRUNG (MCAC)

THEO QUY TẮC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA MCAC

giữa

CÔNG TY […….]

- Nguyên đơn -

và

CÔNG TY […….]

- Bị đơn -

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

ĐƠN KHỞI KIỆN[51]

[…, ngày … tháng … năm]

Thông tin các Bên trong vụ tranh chấp[52]

1. Nguyên đơn là Công ty […….] với thông tin cụ thể như sau:

Địa chỉ	:
Người đại diện theo pháp luật	:
Mã số thuế	:
Điện thoại	:
Fax	:
Email	:

2. Nguyên đơn trong vụ tranh chấp này được đại diện bởi ông/bà […….] theo Giấy ủy quyền số […….] ngày […….] tháng […….] năm […….].

3. Bị đơn là Công ty […….] với thông tin cụ thể như sau:

Địa chỉ	:
Người đại diện theo pháp luật	:
Điện thoại	:
Fax	:
Email	:

I. Tóm tắt vụ tranh chấp[53]

4. Ngày […….] tháng […….] năm […….], Nguyên đơn và Bị đơn ký Hợp đồng/Thỏa thuận/… số […….] về việc mua bán hàng hóa/cung cấp dịch vụ/…
Theo Hợp đồng/Thỏa thuận/…, Nguyên đơn có quyền/nghĩa vụ […….] Bị đơn có quyền/nghĩa vụ […….].

[51] Mẫu này chỉ nhằm mục đích tham khảo. Các bên không bắt buộc phải sử dụng theo Mẫu này. Các bên có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tính chất và diễn biến của vụ tranh chấp cũng như nhu cầu, mục đích sử dụng của mình. Các bên có thể liên hệ với Ban thư ký MCAC để được hướng dẫn chi tiết.

[52] MCAC khuyến nghị Nguyên đơn cung cấp các địa chỉ chính xác của Nguyên đơn và của Bị đơn nêu tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư. Ngoài địa chỉ nhận văn thư qua đường bưu điện, việc Nguyên đơn cung cấp thêm các thông tin liên lạc như số điện thoại, số fax, email, v.v. sẽ giúp ích rất nhiều cho việc liên lạc, trao đổi giữa MCAC và các bên khi tiến hành các bước trong tố tụng trọng tài.

[53] Tại mục này, Nguyên đơn trình bày tóm tắt nội dung, sự kiện, tình tiết chính của vụ tranh chấp.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

5. Trên thực tế, Nguyên đơn đã thực hiện/không thực hiện Hợp đồng/Thỏa thuận …. *(ghi rõ đã thực hiện/không thực hiện như thế nào)*. Bị đơn đã thực hiện/không thực hiện Hợp đồng/Thỏa thuận …. *(ghi rõ đã thực hiện/không thực hiện như thế nào).*
6. Nay giữa hai bên phát sinh tranh chấp […….] *(ghi rõ tranh chấp về vấn đề gì).*
7. Các nội dung khác (nếu có): […….]

II. Cơ sở khởi kiện[54]

8. Tại thỏa thuận trọng tài số […….] ngày […….]/ Điều […….] về giải quyết tranh chấp của Hợp đồng/Thỏa thuận, các Bên thỏa thuận như sau: [“…….”] *(Ghi rõ nội dung thỏa thuận trọng tài).*
9. Do các bên phát sinh tranh chấp, căn cứ quy định trên, Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn ra MCAC.

III. Trị giá tranh chấp và các yêu cầu cụ thể của Nguyên đơn

10. Tổng trị giá vụ tranh chấp là: […….][55].
11. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu tại mục III trên đây, Nguyên đơn đưa ra các yêu cầu sau:
    (i) […….];
    (ii) […….];
    (iii) […….];
    …..

IV. Các vấn đề khác

12. Nguyên đơn chọn ông/bà […….] làm Trọng tài viên /Nguyên đơn đề nghị Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên để giải quyết vụ tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn. Ông/Bà […….] là Trọng tài viên trong/ngoài Danh sách Trọng tài viên của MCAC [56].
13. Vui lòng liên hệ với ông/bà […….][57] theo địa chỉ sau:
    Địa chỉ:……..
    Số điện thoại:……..
    Email:…….

---

[54] Tại mục này, Nguyên đơn trình bày các quy định Hợp đồng cũng như các quy định pháp luật có liên quan mà Nguyên đơn căn cứ vào đó để khởi kiện và yêu cầu Bị đơn, kèm theo các lập luận và tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

[55] Tổng trị giá vụ tranh chấp là tổng giá trị tính bằng tiền của các yêu cầu khởi kiện có trị giá của Nguyên đơn. Trị giá của vụ tranh chấp là căn cứ để MCAC tính phí trọng tài khi MCAC nhận đơn khởi kiện.

[56] MCAC khuyến nghị Nguyên đơn chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và tự mình chọn người đủ chuyên môn, uy tín làm Trọng tài viên giải quyết tranh chấp. Nguyên đơn (cũng như Bị đơn) KHÔNG bắt buộc phải chọn người thuộc Danh sách Trọng tài viên MCAC làm Trọng tài viên giải quyết tranh chấp. Danh sách Trọng tài viên MCAC chỉ mang tính khuyến nghị.

[57] Nếu Nguyên đơn chọn Trọng tài viên ngoài danh sách, vui lòng cung cấp cho MCAC địa chỉ liên hệ chính xác và cập nhật, bao gồm: địa chỉ bưu chính, số điện thoại, email, fax (nếu có).

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

14. Về ngôn ngữ trọng tài, Điều […….] của Hợp đồng/Thỏa thuận quy định [……]/ Nguyên đơn đề xuất ngôn ngữ trọng tài là [……][58].
15. Về địa điểm trọng tài, Điều […….] của Hợp đồng/Thỏa thuận quy định [……]/ Nguyên đơn đề xuất địa điểm trọng tài là [……][59].
16. Về luật áp dụng, Điều […….] của Hợp đồng/Thỏa thuận quy định [……]/ Nguyên đơn đề xuất luật áp dụng để giải quyết vụ tranh chấp là […….][60].

Đại diện Nguyên đơn
(ký tên, đóng dấu)[61]

[58] Ghi rõ ngôn ngữ cụ thể, ví dụ: Tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

[59] Ghi rõ địa điểm cụ thể, ví dụ: Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh.

[60] Ghi rõ luật của quốc gia, ví dụ: Luật Việt Nam.

[61] Nếu Nguyên đơn là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) phải ký vào Đơn khởi kiện. Nếu Đơn khởi kiện do người đại diện theo pháp luật ký, mục này cần có thêm con dấu của Nguyên đơn (nếu có). Nếu Nguyên đơn là cá nhân, thì Nguyên đơn hoặc người đại diện theo ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ) phải ký vào Đơn khởi kiện.

MẪU SỐ 02 : MẪU ĐƠN KHỞI KIỆN TẠI TOÀ ÁN

Mẫu số 23-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……[1], ngày….. tháng …… năm…….

ĐƠN KHỞI KIỆN

Kính gửi: Toà án nhân dân [2]……

Người khởi kiện: [3] .....

Địa chỉ: [4] .....

Số điện thoại: ……(nếu có); số fax: ……(nếu có)

Địa chỉ thư điện tử: ……..... (nếu có)

Người bị kiện: [5].....

Địa chỉ [6] .....

Số điện thoại: ……(nếu có); số fax: ……(nếu có)

Địa chỉ thư điện tử: ……..... (nếu có)

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ (nếu có)[7].....

Địa chỉ: [8].....

Số điện thoại: ……(nếu có); số fax: ……...(nếu có)

Địa chỉ thư điện tử : …….....(nếu có)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có) [9].....

Địa chỉ: [10] .....

Số điện thoại: ……(nếu có); số fax: ……(nếu có)

Địa chỉ thư điện tử: ……..……..... (nếu có)

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:(11).....

.....

Người làm chứng (nếu có) (12).....

Địa chỉ: (13) .....

Số điện thoại: ……(nếu có); số fax: …….(nếu có)

Địa chỉ thư điện tử: ……..……..... (nếu có).

Danh mục tài liệu, chứng kèm theo đơn khởi kiện gồm có: (14).....

1.....

2.....

(Các thông tin khác mà người khởi kiện xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án) (15) ..

Người khởi kiện (16)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 23-DS:

(1) Ghi địa điểm làm đơn khởi kiện (ví dụ: Hà Nội, ngày….. tháng….. năm……).

(2) Ghi tên Toà án có thẩm quyền giải quyết vụ án; nếu là Toà án nhân dân cấp Khu vực, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân khu vực nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên) và địa chỉ của Toà án đó.

(3) Nếu người khởi kiện là cá nhân thì ghi họ tên; đối với trường hợp người khởi kiện là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi thì ghi họ tên, địa chỉ của người đại diện hợp pháp của cá nhân đó; nếu người khởi kiện là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và ghi họ, tên của người đại điện hợp pháp của cơ quan, tổ chức khởi kiện đó.

(4) Ghi nơi cư trú tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. Nếu người khởi kiện là cá nhân, thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú (ví dụ: Nguyễn Văn A, cư trú tại thôn B, xã C, tỉnh H); nếu người khởi kiện là cơ quan, tổ chức, thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Công ty TNHH Hin Sen có trụ sở: Số 20 phố LTK, phường HK, thành phố H).

(5), (7), (9) và (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (3).

(6), (8), (10) và (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (4).

(11) Nêu cụ thể từng vấn đề yêu cầu Toà án giải quyết.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn 1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An. Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

(14) Ghi rõ tên các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện gồm có những tài liệu nào và phải đánh số thứ tự (ví dụ: các tài liệu kèm theo đơn gồm có: bản sao hợp đồng mua bán nhà, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, …).

(15) Ghi những thông tin mà người khởi kiện xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án (ví dụ: Người khởi kiện thông báo cho Toà án biết khi xảy ra tranh chấp một trong các đương sự đã đi nước ngoài chữa bệnh…).

(16) Nếu người khởi kiện là cá nhân thì phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khởi kiện đó; trường hợp người khởi kiện là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp đó phải ký tên điểm chỉ; trường hợp người khởi kiện, người đại diện hợp pháp không biết chữ, không nhìn được, không tự mình làm đơn khởi kiện, không tự mình ký tên hoặc điểm chỉ thì người có năng lực hành vi tố tụng dân sự đầy đủ làm chứng, ký xác nhận vào đơn khởi kiện. Nếu là cơ quan tổ chức khởi kiện, thì người đại điện hợp pháp của cơ quan, tổ chức khởi kiện ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó. Trường hợp tổ chức khởi kiện là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp. Nếu người khởi kiện không biết chữ thì phải có người làm chứng ký xác nhận theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelуat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

MẪU SỐ 03: MẪU ĐƠN KHÁNG CÁO

Mẫu số 54-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….. tháng …… năm……

ĐƠN KHÁNG CÁO

Kính gửi: Tòa án nhân dân [1] .....

Người kháng cáo: [2] .....

Địa chỉ: [3] .....

Số điện thoại:……/Fax: .....

Địa chỉ thư điện tử.....(nếu có)

Là:[4] .....

Kháng cáo: [5] .....

Lý do của việc kháng cáo:[6] .....

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau đây:[7].....

Những tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo đơn kháng cáo gồm có:[8].....

1. .....

2. .....

3. .....

NGƯỜI KHÁNG CÁO[9]

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 54-DS:

(1) Ghi tên Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án. Nếu là Tòa án nhân dân cấp khu vực thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân khu vực nào, thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh ĐN); nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội). Cần ghi địa chỉ cụ thể của Tòa án (nếu đơn kháng cáo được gửi qua bưu điện).

(2) Nếu người kháng cáo là cá nhân thì ghi họ tên của cá nhân đó; nếu người kháng cáo ủy quyền cho người khác thì ghi họ, tên của người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo, của người kháng cáo ủy quyền kháng cáo, nếu người kháng cáo là cơ quan, tổ chức thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó (ghi như đơn kháng cáo) và ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó, nếu người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức ủy quyền cho người khác kháng cáo thì ghi họ tên của người đại diện theo ủy quyền, của đương sự là cơ quan, tổ chức ủy quyền (ví dụ: Người kháng cáo: Tổng công ty X do ông Nguyễn Văn A, Tổng giám đốc làm đại diện).

(3) Nếu người kháng cáo là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú (ví dụ: Địa chỉ: trú tại thôn B, xã C, tỉnh T); nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Địa chỉ: có trụ sở tại số 20 phố NP, phường Đ, thành phố H).

(4) Ghi tư cách tham giá tố tụng của người kháng cáo (ví dụ: là nguyên đơn (bị đơn) trong vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Trần Văn Nam trú tại nhà số 34 phố X, phường H, thành phố Y theo uỷ quyền ngày…tháng…năm…; là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty XNK A do ông Nguyễn Văn Nam – Tổng Giám đốc đại diện theo giấy uỷ quyền ngày…tháng…năm…).

(5) Ghi cụ thể kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm hoặc phần nào của bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật đó (ví dụ: kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 15-01-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh H).

(6) Ghi lý do cụ thể của việc kháng cáo.

(7) Nêu cụ thể từng vấn đề mà người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

(8) Trường hợp có các tài liệu, chứng cứ bổ sung thì phải ghi đầy đủ tên các tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo đơn kháng cáo để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp (ví dụ: các tài liệu kèm theo đơn gồm có: 1) Bản sao Giấy xác nhận nợ; 2) Bản sao Giấy đòi nợ…).

(9) Nếu người kháng cáo là cá nhân thì phải ký tên hoặc điểm chỉ và ghi rõ họ tên của người kháng cáo đó; nếu là cơ quan, tổ chức kháng cáo thì người đại điện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức kháng cáo ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó, trường hợp doanh nghiệp kháng cáo thì việc sử dụng con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

MẪU SỐ 04: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIÁM ĐỐC THẨM

Mẫu số 82-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….. tháng …… năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
XEM XÉT THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM

Đối với Bản án (Quyết định).....[1] số... ngày... tháng... năm...
của Tòa án nhân dân.....

Kính gửi:[2].....

Họ tên người đề nghị:[3] .....

Địa chỉ:[4].....

Là:[5] .....

trong vụ án về.....

Đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án (Quyết định)[6].. số.... ngày... tháng... năm... của Tòa án nhân dân..... đã có hiệu lực pháp luật.

Lý do đề nghị:[7] .....

Yêu cầu của người đề nghị:[8] .....

.....

Kèm theo đơn đề nghị là các tài liệu, chứng cứ sau đây:[9]

1. Bản sao Bản án (quyết định) số... ngày.... tháng.... năm của Tòa án nhân dân ……

2. .....

NGƯỜI LÀM ĐƠN[10]

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 82-DS:

(1), (6) Nếu là bản án sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm", nếu là bản án phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(2) Ghi người có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm quy định tại Điều 331 Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

(3) Nếu người làm đơn là cá nhân thì ghi họ tên của cá nhân đó; nếu người làm đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên của cơ quan, tổ chức và ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Công ty X do ông Nguyễn Văn A - Tổng giám đốc làm đại diện).

(4) Nếu người làm đơn là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó.

(5) Ghi tư cách tham gia tố tụng của người làm đơn (ví dụ: là nguyên đơn).

(7) Ghi lý do cụ thể của việc đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

(8) Ghi yêu cầu của người đề nghị (ví dụ: Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, huỷ Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2017/DSPT ngày 10-02-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh A để xét xử phúc thẩm lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự).

(9) Ghi tên tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn (ví dụ: 1. Bản sao Bản án số...; 2. Bản sao Chứng minh nhân dân....3. Quyết định số.../QĐ-UBND ngày.....).

(10) Người đề nghị là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ trực tiếp vào đơn; người đề nghị là cơ quan, tổ chức thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên trực tiếp và đóng dấu trực tiếp vào đơn.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng.
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

MẪU SỐ 05: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XEM XÉT THEO THỦ TỤC TÁI THẨM

Mẫu số 83-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….. tháng …… năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

XEM XÉT THEO THỦ TỤC TÁI THẨM

đối với Bản án (Quyết định).....[1] số... ngày... tháng... năm...
của Tòa án nhân dân.....

Kính gửi:[2] ……

Họ tên người đề nghị:[3] .....

Địa chỉ:[4].....

Là:[5] .....

trong vụ án về.....

Đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm Bản án (Quyết định)[6]..... số.... ngày... tháng ... năm ... của Tòa án nhân dân..... đã có hiệu lực pháp luật.

Lý do đề nghị:[7] .....

Yêu cầu của người đề nghị:[8] .....

Kèm theo đơn đề nghị là các tài liệu, chứng cứ sau đây:[9]

1. Bản sao Bản án (quyết định) số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án nhân dân...

2. .....

NGƯỜI LÀM ĐƠN[10]

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 83-DS:

(1), (6) Nếu là bản án sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm", nếu là bản án phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm"...

(2) Ghi người có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm quy định tại Điều 354 Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

(3) Nếu người làm đơn là cá nhân thì ghi họ tên của cá nhân đó; nếu người làm đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên của cơ quan, tổ chức và ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Công ty X do ông Nguyễn Văn A - Tổng giám đốc làm đại diện).

(4) Nếu người làm đơn là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó.

(5) Ghi tư cách tham gia tố tụng của người làm đơn (ví dụ: là nguyên đơn).

(7) Ghi lý do cụ thể của việc đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm.

(8) Ghi yêu cầu của người đề nghị (ví dụ: Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục tái thẩm, huỷ Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2017/DSPT ngày 10-02-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh A để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự).

(9) Ghi tên tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn (ví dụ: 1. Bản sao Bản án số...; 2. Bản sao Chứng minh nhân dân....3. Quyết định số.../QĐ-UBND ngày.....).

(10) Người đề nghị là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ trực tiếp vào đơn; người đề nghị là cơ quan, tổ chức thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên trực tiếp và đóng dấu trực tiếp vào đơn.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com
Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn

MẪU SỐ 06: ĐƠN ĐỀ NGHỊ YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

Mẫu số: D01-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

Kính gửi: CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH/THÀNH PHỐ

Họ và tên người yêu cầu thi hành án[1]62:
địa chỉ:.....

Họ và tên người được thi hành án.....
địa chỉ:.....

Họ và tên người phải thi hành án.....
địa chỉ:.....

1. Nội dung yêu cầu thi hành án:

.....
.....

2. Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có):

.....
.....

3. Các tài liệu kèm theo:

- Bản án, Quyết định số..... ngày... tháng..... năm..... của.....
- Tài liệu thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có).
- Tài liệu có liên quan khác.....
.....

..... ngày.... tháng.... năm 20.....

Người yêu cầu thi hành án

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

[1] Trường hợp ủy quyền phải kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc một trong các giấy tờ sau đây: Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng. fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn fdvnlawfirm@gmail.com Tầng 2, 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội. Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 8, 205B Hoàng Hoa Thám, P. Bình Lợi Trung, Hồ Chí Minh. Luatsuhochiminhfdvn.vn 1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An. Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, Nghệ An Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế. Luatsuhue.vn 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai. Luatsugialai.vn